

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành và Quy trình rà soát, đánh giá, cập nhật Chuẩn đầu ra, Chương trình đào tạo, Đề cương chi tiết học phần các trình độ giáo dục đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

Căn cứ Luật số 34/2018/QH14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XIV, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐT ngày 06/11/2023 của Hội đồng trường ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 300/QĐ-ĐHCNQN ngày 05 tháng 7 năm 2021 ban hành kèm theo Quy chế đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh; Quyết định số 600/QĐ-ĐHCNQN ngày 29 tháng 11 năm 2021 ban hành kèm theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành và Quy trình rà soát, đánh giá, cập nhật chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần các trình độ giáo dục đại học của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 184/QĐ-ĐHCNQN, ngày 04/4/2024 về việc xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo và Quy trình rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng, Phụ trách các đơn vị trong toàn trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Giám hiệu (2);
- Như điều 3;
- Lưu: VT, ĐT (04).



TS. Hoàng Hùng Thắng

QUY ĐỊNH

Xây dựng, thẩm định, ban hành và Quy trình rà soát, đánh giá, cập nhật Chuẩn đầu ra, Chương trình đào tạo, Đề cương chi tiết học phần các trình độ giáo dục đại học
(ban hành kèm theo Quyết định số 127/QĐ-ĐHCNQN ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này Quy định về việc tổ chức xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo mới và quy trình rà soát đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.
2. Quy định này áp dụng đối với các đơn vị đào tạo và các cá nhân tham gia vào hoạt động quản lý, đào tạo của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.
3. Văn bản này không quy định đối với các chương trình đào tạo do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp bằng tốt nghiệp, bao gồm cả chương trình liên kết với nước ngoài theo quy định về hợp tác, đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

Điều 2. Mục đích, yêu cầu

1. Để các đơn vị chủ động trong việc tổ chức xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo mới và rà soát đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học của Nhà trường.
2. Làm căn cứ để triển khai việc xây dựng, rà soát đánh giá chương trình đào tạo được thực hiện nghiêm túc, thống nhất, đúng trình tự, đầy đủ các nội dung và đảm bảo nâng cao chất lượng của từng chương trình đào tạo.
3. Gắn trách nhiệm cụ thể của từng đơn vị, cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ và làm căn cứ để phục vụ cho công tác thanh tra, kiểm tra trong việc tổ chức xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo mới và rà soát đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo của Nhà trường.
4. Xây dựng, rà soát, đánh giá và cập nhật chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo đảm bảo đạt chuẩn chất lượng chương trình đào tạo theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các yêu cầu của tiêu chí kiểm định chất lượng chương trình đào tạo (MOET, AUN-QA, ABET ...) được chọn lựa áp dụng.
5. Thực hiện cam kết trách nhiệm với người học và toàn xã hội về chất lượng chương trình đào tạo của Trường.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chương trình đào tạo là một hệ thống các hoạt động giáo dục, đào tạo được thiết kế và tổ chức thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo, hướng tới cấp một văn bằng giáo dục đại học cho người học. Chương trình đào tạo bao gồm mục tiêu, khối lượng kiến thức, cấu trúc, nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá đối với môn học, ngành học, trình độ đào tạo, chuẩn đầu ra phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

2. Chuẩn chương trình đào tạo của một ngành (hoặc của một nhóm ngành, một lĩnh vực) ở một trình độ đào tạo là những yêu cầu chung, tối thiểu đối với tất cả các chương trình đào tạo của ngành đó; bao gồm yêu cầu về mục tiêu, chuẩn đầu ra, chuẩn đầu vào, khối lượng học tập tối thiểu, cấu trúc và nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập, các điều kiện thực hiện chương trình để đảm bảo chất lượng đào tạo.

3. Chuẩn đầu ra là yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của người học sau khi hoàn thành một chương trình đào tạo, gồm cả yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học khi tốt nghiệp.

4. Chuẩn đầu vào (hay yêu cầu đầu vào) của một chương trình đào tạo là những yêu cầu tối thiểu về trình độ, năng lực, kinh nghiệm mà người học cần có để theo học chương trình đào tạo.

5. Mục tiêu đào tạo là tuyên bố tổng quát về lí do tồn tại của chương trình, trong đó các định mục tiêu tổng thể của chương trình, bao gồm bối cảnh, nghề nghiệp, sự nghiệp tương lai của người học sau khi tốt nghiệp.

6. Chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7 là chương trình đào tạo của một số chuyên ngành chuyên sâu đặc thù theo quy định của Chính phủ với yêu cầu người tốt nghiệp đạt trình độ tương ứng bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam; chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 8 là chương trình đào tạo của một số chuyên ngành chuyên sâu đặc thù theo quy định của Chính phủ với yêu cầu người tốt nghiệp đạt trình độ tương ứng bậc 8 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

7. Chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu có mục tiêu và nội dung theo hướng chuyên sâu về nguyên lý, lý thuyết cơ bản trong các lĩnh vực khoa học, phát triển các công nghệ nguồn làm nền tảng để phát triển các lĩnh vực khoa học ứng dụng và công nghệ.

8. Chương trình đào tạo định hướng ứng dụng có mục tiêu và nội dung theo định hướng phát triển kết quả nghiên cứu cơ bản, ứng dụng các công nghệ nguồn thành các giải pháp công nghệ, quy trình quản lý, thiết kế các công cụ hoàn chỉnh phục vụ nhu cầu đa dạng của con người.

9. Chương trình đào tạo định hướng nghề nghiệp có mục tiêu và nội dung theo hướng trang bị những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu, phát triển năng lực làm việc gắn với một nhóm chức danh nghề nghiệp cụ thể.

10. Nhóm ngành đào tạo là tập hợp một số ngành đào tạo có những đặc điểm chung về chuyên môn, tương ứng với danh mục giáo dục, đào tạo cấp III thuộc danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân.

11. Lĩnh vực đào tạo là tập hợp một số nhóm ngành đào tạo có những đặc điểm chung về chuyên môn hoặc nghề nghiệp, tương ứng với danh mục giáo dục đào tạo cấp II thuộc danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân.

12. Học phần là một tập hợp hoạt động giảng dạy và học tập được thiết kế nhằm thực hiện một số mục tiêu học tập cụ thể, trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng thuộc phạm vi chuyên môn hẹp trong chương trình đào tạo. Một học phần thông thường được tổ chức giảng dạy, học tập trong một học kỳ.

13. Thành phần của một chương trình đào tạo là một nhóm học phần và các hoạt động học tập, nghiên cứu khác có đặc điểm chung về chuyên môn; có vai trò rõ nét trong thực hiện một nhóm mục tiêu và yêu cầu đầu ra của chương trình đào tạo. Các thành phần được sử dụng để thiết kế cấu trúc tổng thể của chương trình đào tạo, như giáo dục đại cương, khoa học cơ bản, cơ sở và cốt lõi ngành, thực tập và trải nghiệm, nghiên cứu khoa học và các thành phần khác.

Chương II

CÁC YÊU CẦU VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 4. Yêu cầu chung về chương trình đào tạo

1. Đáp ứng các yêu cầu theo chuẩn chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học được Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc các Hội đồng tư vấn ngành ban hành và Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Đối với các ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực chưa ban hành chuẩn chương trình đào tạo, cần tham khảo tiêu chuẩn nghề nghiệp trong nước và quốc tế cho ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực tương ứng.

2. Thể hiện rõ khả năng góp phần đáp ứng nhu cầu nhân lực theo kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, quốc gia và nhu cầu của thị trường lao động.

3. Phản ánh yêu cầu của các bên liên quan, trong đó có đại diện giảng viên tại các đơn vị chuyên môn, đại diện các đơn vị sử dụng lao động và hiệp hội nghề nghiệp, các chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn, người đã tốt nghiệp chương trình đào tạo đang làm việc đúng chuyên môn.

4. Được tham khảo, đối sánh với chương trình đào tạo cùng trình độ, cùng ngành đã được kiểm định của các trường có uy tín ở trong nước và nước ngoài.

5. Được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; phải tích hợp giảng dạy kỹ năng với kiến thức; phải có ma trận các học phần với chuẩn đầu ra, bảo đảm chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được phân bổ và truyền tải đầy đủ thành chuẩn

đầu ra của các học phần.

6. Các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá phải được lập kế hoạch và thiết kế dựa vào chuẩn đầu ra của học phần, bảo đảm cung cấp những hoạt động giảng dạy thúc đẩy việc học tập đáp ứng chuẩn đầu ra.

7. Tất cả các học phần trong chương trình đào tạo phải có đầy đủ đề cương học phần. Đề cương học phần phải được xây dựng theo các quy định và biểu mẫu thống nhất của Trường.

8. Có hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo, bảo đảm chất lượng đào tạo.

9. Được Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường có ý kiến thông qua trước khi ban hành.

Điều 5. Mục tiêu của chương trình đào tạo

1. Phải nêu rõ kỳ vọng của Trường về năng lực và triển vọng nghề nghiệp của người học tốt nghiệp chương trình đào tạo.

2. Phải thể hiện được định hướng đào tạo: định hướng nghiên cứu, định hướng ứng dụng hoặc định hướng nghề nghiệp; đáp ứng nhu cầu của giới tuyển dụng và các bên liên quan.

3. Phải phù hợp và gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển của Trường, nhu cầu của xã hội; phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học theo quy định tại Luật Giáo dục đại học và mô tả trình độ theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Điều 6. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

1. Phải rõ ràng và thiết thực, thể hiện kết quả học tập mà người học tốt nghiệp cần đạt được về hiểu biết chung và năng lực cốt lõi ở trình độ đào tạo, những yêu cầu riêng của ngành đào tạo.

2. Phải đo lường, đánh giá được theo các cấp độ tư duy làm căn cứ thiết kế, thực hiện và cải tiến nội dung và phương pháp giảng dạy; kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và cấp văn bằng cho người học.

3. Phải nhất quán mục tiêu của chương trình đào tạo, thể hiện được đóng góp rõ nét đồng thời phản ánh được những yêu cầu mang tính đại diện cao của giới tuyển dụng và các bên liên quan khác.

4. Phải chỉ rõ bậc trình độ cụ thể và đáp ứng chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm, năng lực cần thiết theo quy định cho bậc trình độ tương ứng theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

5. Phải đảm bảo tính liên thông với chuẩn đầu vào của trình độ đào tạo cao hơn (nếu có), đồng thời tạo cơ hội liên thông ngang giữa các chương trình cùng trình độ đào tạo, nhất là giữa các chương trình thuộc cùng nhóm ngành hoặc cùng lĩnh vực đào tạo.

6. Phải được cụ thể hoá một cách đầy đủ và rõ nét trong chuẩn đầu ra của các học phần và thành phần trong chương trình đào tạo, đồng thời được thực hiện một cách có hệ thống qua liên kết giữa các học phần và các thành phần.

7. Phải đảm bảo tính khả thi, phù hợp với khối lượng chương trình để phần lớn người học đã đáp ứng chuẩn đầu vào có khả năng hoàn thành của chương trình đào tạo trong thời gian tiêu chuẩn.

Điều 7. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

1. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo phải được xác định rõ những yêu cầu tối thiểu về trình độ, năng lực, kinh nghiệm phù hợp với từng trình độ, ngành và định hướng đào tạo mà người học cần đáp ứng để có thể học tập thành công và hoàn thành tốt chương trình đào tạo.

2. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo đại học và chương trình chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7: Là người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương.

3. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo thạc sĩ: là người học phải tốt nghiệp đại học ngành phù hợp; có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu, người học phải tốt nghiệp đại học hạng khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập.

4. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo tiến sĩ: Người học phải tốt nghiệp thạc sĩ hoặc chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7 ngành phù hợp hoặc tốt nghiệp hạng giỏi trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; có trình độ ngoại ngữ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc trình độ tương đương trở lên); có năng lực, kinh nghiệm nghiên cứu.

Điều 8. Khối lượng học tập

1. Khối lượng học tập của chương trình đào tạo của mỗi thành phần hoặc của mỗi học phần trong chương trình đào tạo được xác định bằng số tín chỉ.

a) Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá;

b) Đối với hoạt động dạy học trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

2. Khối lượng học tập tối thiểu của một chương trình đào tạo phải phù hợp với yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam, cụ thể như sau:

a) Chương trình đào tạo đại học: 120 tín chỉ, cộng với khối lượng giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh theo quy định hiện hành;

b) Chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7: 150 tín chỉ, cộng với khối lượng giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh theo quy định; hoặc 30 tín chỉ đối với người có trình độ đại học thuộc cùng nhóm ngành;

c) Chương trình đào tạo thạc sĩ: 60 tín chỉ đối với người có trình độ đại học thuộc cùng nhóm ngành.

d) Chương trình đào tạo tiến sĩ: 90 tín chỉ với người có trình độ thạc sĩ, 120 tín chỉ với người có trình độ đại học thuộc cùng nhóm ngành.

3. Khối lượng học tập tối thiểu đối với các chương trình đào tạo song ngành phải cộng thêm 30 tín chỉ, đối với chương trình đào tạo ngành chính - ngành phụ phải cộng thêm 15 tín chỉ so với chương trình đào tạo đơn ngành tương ứng.

4. Khối lượng học tập của một chương trình đào tạo được xác định dựa vào các quy định hiện hành, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, ý kiến của các bên liên quan và quy định cụ thể trong Thông báo hoặc Hướng dẫn của Trường.

Điều 9. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo

1. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo:

a) Phải thể hiện rõ vai trò của từng thành phần, học phần, sự liên kết logic và hỗ trợ lẫn nhau giữa các thành phần, học phần đảm bảo thực hiện mục tiêu, yêu cầu tổng thể của chương trình đào tạo;

b) Phải thể hiện rõ đặc điểm và yêu cầu chung về chuyên môn, nghề nghiệp trong lĩnh vực, nhóm ngành ở trình độ đào tạo, tạo điều kiện liên thông giữa các ngành và trình độ đào tạo; đồng thời thể hiện những đặc điểm và yêu cầu riêng của ngành đào tạo;

c) Phải quy định rõ những thành phần chính yếu, bắt buộc đối với tất cả người học; đồng thời đưa ra các thành phần bổ trợ, tự chọn để người học lựa chọn học phù hợp với định hướng nghề nghiệp của bản thân;

d) Phải định hướng được cho người học đồng thời đảm bảo tính mềm dẻo, tạo điều kiện cho người học xây dựng kế hoạch học tập cá nhân theo tiến độ và trình tự phù hợp với năng lực, điều kiện của bản thân.

2. Mỗi học phần của chương trình đào tạo phải quy định mục tiêu, yêu cầu đầu vào và đầu ra, số tín chỉ và nội dung, đặc điểm chuyên môn; đóng góp rõ nét trong thực hiện mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

3. Yêu cầu đối với chương trình đào tạo đại học và chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7:

a) Giáo dục đại cương bắt buộc bao gồm các môn lý luận chính trị, pháp luật, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh theo quy định hiện hành;

b) Đối với các chương trình đào tạo song ngành, ngành chính-ngành phụ, chương trình đào tạo cần được cấu trúc để thể hiện rõ những thành phần chung và những thành phần riêng theo từng ngành;

c) Đối với chương trình đào tạo đại học và chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7, yêu cầu khối lượng thực tập tối thiểu 8 tín chỉ.

4. Yêu cầu đối với chương trình đào tạo thạc sĩ:

a) Định hướng nghiên cứu: Khối lượng nghiên cứu khoa học từ 24 đến 30 tín chỉ, bao gồm 12 đến 15 tín chỉ cho luận văn, 12 đến 15 tín chỉ cho các đồ án, dự án, chuyên đề nghiên cứu khác.

b) Định hướng ứng dụng: Thực tập từ 6 đến 9 tín chỉ; học phần tốt nghiệp từ 6 đến 9 tín chỉ dưới hình thức đề án, đồ án hoặc dự án.

5. Yêu cầu đối với chương trình đào tạo tiến sĩ:

a) Tối thiểu 80% nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ;

b) Tối đa 16 tín chỉ các học phần, môn học bắt buộc hoặc tự chọn đối với đầu vào trình độ thạc sĩ;

c) Tối thiểu 30 tín chỉ các học phần, môn học bắt buộc hoặc tự chọn đối với đầu vào trình độ đại học.

6. Bản mô tả chương trình đào tạo cần phải có các thành phần sau:

- Giới thiệu về Trường, về Khoa (Tầm nhìn – Sứ mạng – Triết lý giáo dục, mục tiêu tổng quát của Nhà trường, của Khoa đào tạo)
- Thông tin chung về CTĐT (tên CTĐT, trình độ, ngành đào tạo, văn bằng tốt nghiệp, ngôn ngữ đào tạo, khối lượng kiến thức toàn khóa, thời gian đào tạo, kiểm soát và đảm bảo chất lượng đào tạo)
- Mục tiêu chương trình đào tạo
- Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo
- Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp
- Tuyển sinh, Chuẩn đầu vào, Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp
- Phương pháp giảng dạy và học tập
- Phương pháp đánh giá và công cụ, tiêu chí đánh giá kết quả học tập
- Hệ thống tính điểm
- Cấu trúc CTĐT
- Khung CTĐT
- Ma trận tích hợp sự đóng góp của các học phần cho CDR của CTĐT
- Kế hoạch giảng dạy (theo kỳ)
- Sơ đồ CTĐT
- Mô tả vắn tắt các học phần
- Danh sách đội ngũ giảng viên, cố vấn thực hiện CTĐT
- Cơ sở vật chất phục vụ thực hiện CTĐT
- Hướng dẫn thực hiện CTĐT
- Phụ lục chương trình đào tạo gồm:
 - + Các căn cứ xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo;
 - + Thang trình độ năng lực;
 - + Đối sánh chương trình đào tạo;

- + Báo cáo thu thập thông tin về chương trình đào tạo;
- + Báo cáo đánh giá hiệu quả chương trình đào tạo đang áp dụng (cho trường hợp rà soát, cập nhật chương trình đào tạo);
- + Chi tiết về những nội dung sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo (cho trường hợp rà soát, cập nhật chương trình đào tạo);
- + Bộ đề cương chi tiết học phần

Điều 10. Phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập

1. Phương pháp giảng dạy phải được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần trong chương trình đào tạo.

2. Đánh giá kết quả học tập của người học phải dựa trên chuẩn đầu ra, phải làm rõ mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong chuẩn đầu ra của mỗi học phần trong chương trình đào tạo.

3. Đánh giá kết quả học tập của người học phải dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết; làm cơ sở kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập, thúc đẩy nỗ lực và hỗ trợ tiên bộ của người học, cải tiến chương trình đào tạo và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

Điều 11. Đội ngũ giảng viên

1. Yêu cầu đối với đội ngũ giảng viên giảng dạy chương trình đại học, giảng dạy chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7:

a) Giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên, trợ giảng có trình độ đại học trở lên;

b) Có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo;

c) Có ít nhất 05 tiến sĩ có chuyên môn phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình phải có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy;

d) Có đủ số lượng giảng viên để đảm bảo tỷ lệ sinh viên trên giảng viên không vượt quá mức quy định cho từng nhóm ngành hoặc ngành đào tạo.

2. Yêu cầu đối với đội ngũ giảng viên giảng dạy chương trình thạc sĩ:

a) Giảng viên có trình độ tiến sĩ;

b) Có ít nhất 05 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu, trong đó có một giáo sư hoặc phó giáo sư chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo;

c) Có giảng viên cơ hữu với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy đối với từng học phần của chương trình đào tạo;

d) Có đủ người hướng dẫn để đảm bảo tỷ lệ tối đa 05 học viên trên một người hướng dẫn.

3. Yêu cầu đối với đội ngũ giảng viên giảng dạy chương trình tiến sĩ:
- a) Giảng viên có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư; hoặc có trình độ tiến sĩ với năng lực nghiên cứu tốt;
 - b) Có ít nhất 01 giáo sư (hoặc 02 phó giáo sư) ngành phù hợp và 03 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu;
 - c) Có đủ người hướng dẫn để đảm bảo tỉ lệ tối đa 07 nghiên cứu sinh/giáo sư, 05 nghiên cứu sinh/phó giáo sư và 03 nghiên cứu sinh/tiến sĩ.

Chương III

XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH, BAN HÀNH CHUẨN ĐẦU RA VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 12. Yêu cầu đối với Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo

1. Số lượng thành viên Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo là số lẻ, từ 5 đến 11 thành viên. Trong trường hợp đặc biệt, Trường khoa đề xuất số lượng thành viên Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo trình Hiệu trưởng xem xét quyết định.

2. Thành viên Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về tiêu chuẩn, cơ cấu, thành phần như sau:

a) Đại diện tiêu biểu cho giảng viên am hiểu về ngành, chuyên ngành đào tạo, trực tiếp tham gia giảng dạy hoặc quản lý đào tạo của trường, có năng lực xây dựng và phát triển chương trình đào tạo.

b) Chuyên gia phát triển chương trình đào tạo và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học;

c) Đại diện giới tuyển dụng lao động trong lĩnh vực chuyên môn liên quan, có am hiểu về yêu cầu năng lực nghề nghiệp và các vị trí việc làm trong lĩnh vực của ngành đào tạo.

d) Cơ cấu Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo gồm Chủ tịch, Thư ký và các ủy viên. Chủ tịch Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo là giảng viên cơ hữu của trường, có trình độ từ tiến sĩ trở lên đúng ngành hoặc ngành gần, chủ trì ngành đào tạo (đối với chương trình đào tạo trình độ đại học) và phó giáo sư trở lên đúng ngành hoặc ngành gần (đối với chương trình đào tạo trình độ sau đại học). Các thành viên còn lại yêu cầu trình độ từ thạc sĩ, trừ người sử dụng lao động có trình độ từ đại học hoặc có 05 năm kinh nghiệm thực tiễn thuộc lĩnh vực của CTĐT.

3. Hiệu trưởng ký quyết định thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo trên cơ sở đề xuất của Trường khoa đào tạo.

Điều 13. Yêu cầu đối với Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo

1. Số lượng thành viên Hội đồng thẩm định là số lẻ, có ít nhất 5 thành viên, gồm Chủ tịch, Thư ký, tối thiểu 02 ủy viên phân biện thuộc hai cơ sở đào tạo khác nhau và các ủy viên Hội đồng; trong đó có ít nhất 01 thành viên là người đại diện cho đơn vị sử dụng lao động.

2. Thành viên Hội đồng thẩm định phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo có trình độ từ tiến sĩ trở lên đúng ngành hoặc ngành gần đối với chương trình đào tạo thuộc ngành mới (đối với chương trình đào tạo trình độ đại học); giáo sư hoặc phó giáo sư đúng ngành hoặc ngành gần (đối với chương trình đào tạo trình độ sau đại học).

b) Các chuyên gia am hiểu về ngành, chuyên ngành đào tạo, có năng lực xây dựng, phát triển chương trình đào tạo và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học;

c) Thành viên Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo không là thành viên Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo;

3. Hiệu trưởng ký quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường.

Điều 14. Quy trình xây dựng chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo

1. Quy trình các bước xây dựng chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo

Bước 1: Lập kế hoạch

a) Từ kế hoạch của Trường, Trường khoa lập kế hoạch chi tiết xây dựng chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo theo từng ngành thuộc khoa quản lý;

b) Trong trường hợp mở ngành mới, cần thực hiện đánh giá điều kiện mở ngành, lập đề án mở ngành theo các quy định mở ngành hiện hành. Chỉ triển khai các bước tiếp theo khi đã có đủ điều kiện mở ngành.

Bước 2: Thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo

Trường khoa đề xuất và trình Hiệu trưởng ký quyết định thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo theo yêu cầu ở Điều 12.

Bước 3: Khảo sát, xác định nhu cầu, thu thập thông tin từ các bên liên quan

a) Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo lập kế hoạch và xác định phương pháp thu thập thông tin từ các bên liên quan;

b) Phương pháp thu thập thông tin có thể bao gồm nhưng không giới hạn trong các phương pháp sau: hội thảo, phiếu khảo sát, họp chuyên môn, phỏng vấn... Trong trường hợp Trường có mẫu phiếu khảo sát chung, Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo có thể điều chỉnh phiếu khảo sát này cho phù hợp với nhu cầu của từng chương trình và trình độ đào tạo;

c) Hình thức thu thập thông tin có thể bao gồm phỏng vấn trực tiếp, gửi văn bản trực tiếp hoặc online, gửi email...;

d) Các bên liên quan bao gồm: đại diện giảng viên đúng chuyên ngành; đại diện các đơn vị sử dụng lao động và hiệp hội nghề nghiệp, các chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn;

e) Nội dung tối thiểu cần thu thập thông tin bao gồm: nhu cầu nhân lực theo trình độ và ngành/chuyên ngành đào tạo; nhu cầu của người sử dụng lao động đối với người tốt

ngành/chuyên ngành đào tạo; yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu, chuẩn đầu ra và yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp;

f) Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo xác định quy mô thu thập thông tin cho Bước 3 và Bước 8 dựa trên dự toán, nhu cầu và tình hình thực tế. Phải thu thập các mẫu từ các đối tượng nêu ở Bước 3d Điều 14 và số mẫu khảo sát ở từng nhóm đối tượng không thấp hơn số mẫu được quy định (nếu có) trong các tiêu chí kiểm định chất lượng chương trình đào tạo có liên quan (MOET, AUN-QA, ABET, ...);

g) Nội dung báo cáo thu thập thông tin phải bao quát các đối tượng, nội dung và phương pháp thu thập thông tin.

Bước 4: Xây dựng mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo căn cứ vào thông tin thu được ở Bước 3, yêu cầu chung ở Điều 5 và Điều 6 văn bản này để xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

a) Tiến hành lấy ý kiến các bên liên quan và Phòng TT&ĐBCL để hoàn thiện mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

b) Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa và Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường đánh giá và thông qua chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Bước 5: Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của chương trình đào tạo

a) Căn cứ vào thông tin thu được ở Bước 3, mục tiêu, chuẩn đầu ra được xác định ở Bước 4 và tham khảo chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo khác, Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo xác định khối lượng học tập, cấu trúc chương trình đào tạo, đảm bảo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được phân bổ, truyền tải đầy đủ thành chuẩn đầu ra của các học phần và thể hiện qua bản dự thảo ma trận kỹ năng;

b) Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa xem xét góp ý bản dự thảo ma trận kỹ năng để thể hiện rõ sự phát triển kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm qua các học phần, thành phần của chương trình đào tạo trong một giai đoạn nhất định hoặc trong toàn bộ quá trình đào tạo.

Bước 6: Đối chiếu, đối sánh chương trình đào tạo

Thực hiện đối sánh cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo với chương trình cùng trình độ, cùng ngành của các cơ sở đào tạo khác ở trong nước, nước ngoài và hoàn thiện chương trình đào tạo. Tối thiểu cần đối sánh với 01 chương trình đào tạo trong nước và khuyến khích đối sánh với 1 chương trình đào tạo nước ngoài.

Bước 7: Xây dựng đề cương các học phần

Bộ môn tổ chức biên soạn đề cương chi tiết cho các học phần/nhóm học phần trong chương trình đào tạo trên cơ sở đáp ứng chuẩn đầu ra, ma trận kỹ năng.

Bước 8: Tổ chức lấy ý kiến về chương trình đào tạo

a) Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan về chương trình đào tạo và đề cương học phần. Các nhóm đối tượng cần lấy ý kiến tương tự Bước 3;

b) Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo hoàn thiện chương trình đào tạo trên cơ sở ý kiến phản hồi của các bên liên quan;

c) Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa đánh giá, thông qua chương trình đào tạo trước khi gửi về phòng Đào tạo xem xét để tiến hành các thủ tục thẩm định.

Bước 9: Thẩm định chương trình đào tạo

a) Hiệu trưởng ký quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo theo yêu cầu tại Điều 13;

b) Hội đồng thẩm định đánh giá mức độ đáp ứng của chương trình đào tạo với quy định tại Điều 4 của văn bản này (ngoại trừ Khoản 9) và các quy định liên quan khác về chương trình đào tạo;

c) Hội đồng thẩm định kết luận rõ một trong các nội dung sau: thông qua chương trình đào tạo, không cần chỉnh sửa, bổ sung hoặc thông qua chương trình đào tạo nhưng yêu cầu phải chỉnh sửa, bổ sung và nêu nội dung cụ thể cần phải chỉnh sửa, bổ sung hoặc không thông qua chương trình đào tạo và nêu lý do không thông qua;

d) Cuộc họp của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo phải được ghi thành biên bản chi tiết; trong đó có kết quả biểu quyết về kết luận của Hội đồng, có chữ ký của các thành viên Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo;

e) Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo giải trình (giải trình trực tiếp và giải trình bằng văn bản) các ý kiến phản biện của Hội đồng thẩm định và tiến hành chỉnh sửa theo các ý kiến góp ý của Hội đồng thẩm định (nếu có);

f) Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường xem xét, thông qua chương trình đào tạo.

Bước 10: Ban hành chương trình đào tạo

a) Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường, Hiệu trưởng ký quyết định ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo;

b) Chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra và phụ lục được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, lưu tại Khoa đào tạo và Phòng Đào tạo.

c) Khoa quản lý file mềm chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, phụ lục và cung cấp theo yêu cầu để các đơn vị công bố đến các bên liên quan;

d) Chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo và đề cương học phần được công bố đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau, bao gồm công bố trên trang thông tin điện tử của Trường/Khoa/Trung tâm;

e) Khoa đào tạo, Bộ môn quản lý, cập nhật đề cương học phần chi tiết và công bố đến giảng viên, người học theo quy định hiện hành.

Chương IV

TỔ CHỨC TRIỂN KHAI CÔNG TÁC RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ, ĐIỀU CHỈNH CHUẨN ĐẦU RA; ĐÁNH GIÁ, CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 15. Yêu cầu về rà soát, đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo phải thường xuyên được rà soát, đánh giá, cập nhật; kết quả rà soát, đánh giá phải được áp dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

2. Đánh giá chương trình đào tạo phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Phải đánh giá theo các yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam, các quy định chung tại Chương II văn bản này và các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Phải có kết quả đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đối với mỗi khóa học và phản hồi của các bên liên quan;

c) Phải làm rõ tính hiệu quả của chương trình đào tạo đang thực hiện (đáp ứng so với chuẩn đầu ra và mục tiêu đã xác định; sự thống nhất và gắn kết giữa nội dung chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy);

d) Phải đưa ra đề xuất cải tiến chất lượng chương trình đào tạo và dự kiến tác động của việc thay đổi, cập nhật chương trình đào tạo; kết quả đánh giá, cải tiến phải được công khai trên trang thông tin điện tử của Trường.

3. Chu kỳ đánh giá tổng thể chương trình đào tạo tối đa là 05 năm. Trường công bố chương trình đào tạo dưới dạng chương trình đào tạo mới hoặc chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung sau khi được đánh giá và cập nhật.

4. Việc đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trước khi khóa đầu tiên tốt nghiệp theo quy định về mở ngành đào tạo tại Khoản 18 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Điều này.

5. Đề cương học phần cần được rà soát và cập nhật thường xuyên và khi có thay đổi về giáo trình, tài liệu tham khảo, phê duyệt ứng dụng các nghiên cứu khoa học mới vào giảng dạy hoặc theo góp ý của các bên liên quan. Khoa đào tạo và Bộ môn tổ chức việc rà soát và ban hành, ghi rõ thời điểm áp dụng đề cương đã cập nhật.

Điều 16. Quy trình rà soát đánh giá, cập nhật chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo

Bước 1: Lập kế hoạch

Từ kế hoạch của Trường, quy định về định kỳ đánh giá tổng thể chương trình đào tạo và nhu cầu thực tế, Trường khoa lập kế hoạch chi tiết rà soát, đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo theo từng ngành/chuyên ngành thuộc khoa quản lý.

Bước 2: Thành lập Hội đồng rà soát, đánh giá, cập nhật CDR và chương trình đào tạo

Trường khoa đề xuất và trình Hiệu trưởng ký quyết định thành lập thành lập Hội đồng rà soát, đánh giá, cập nhật CDR và chương trình đào tạo theo yêu cầu ở Điều 12.

Bước 3: Khảo sát, xác định nhu cầu, thu thập thông tin từ các bên liên quan

a) Hội đồng rà soát, đánh giá, cập nhật CDR và chương trình đào tạo xác định các thông tin đã có và phương pháp thu thập thông tin bổ sung (nếu cần) từ các bên liên quan;

b) Các bên liên quan bao gồm: đại diện giảng viên đứng chuyên ngành, đại diện các đơn vị sử dụng lao động và hiệp hội nghề nghiệp, các chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn, các phòng ban chuyên môn, người học, người đã tốt nghiệp chương trình đào tạo đang làm việc đứng chuyên môn...);

c) Các thông tin đã có là các khảo sát, ý kiến phản hồi của các bên liên quan đã thực hiện và phân tích trong quá trình thực hiện chương trình đào tạo (như các khảo sát thực hiện theo học kỳ hoặc năm học, khảo sát người học tốt nghiệp...);

d) Các thông tin cần thu thập bổ sung, tuân thủ các yêu cầu về phương pháp, cách thức, đối tượng thu thập thông tin ở Bước 3 Điều 14.

Bước 4: Đánh giá tính hiệu quả của chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo đang thực hiện

Hội đồng rà soát, đánh giá, cập nhật CDR và chương trình đào tạo thực hiện công việc sau:

a) Xử lý, phân tích thông tin thu thập ở Bước 3;

b) Lập báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo đang thực hiện;

c) Đối sánh với chương trình đào tạo cùng ngành trong và ngoài nước;

d) Tổng hợp minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải sửa đổi, cập nhật chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo cũng như dự kiến tác động của việc thay đổi, cập nhật này.

Bước 5: Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật

a) Hội đồng rà soát, đánh giá, cập nhật CDR và chương trình đào tạo cập nhật chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (nếu có thay đổi) và lấy ý kiến phòng Thanh tra và đảm bảo chất lượng. Trong trường hợp nội hàm chuẩn đầu ra có thay đổi đáng kể, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa và Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường đánh giá và thông qua chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước khi Hội đồng rà soát, đánh giá, cập nhật CDR và chương trình đào tạo thực hiện các công việc tiếp theo;

b) Hội đồng rà soát, đánh giá, cập nhật CDR và chương trình đào tạo lập dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật (cấu trúc chương trình đào tạo, khối lượng học tập cần thiết, kế hoạch đào tạo, ma trận kỹ năng, phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy, nội dung các học phần ...);

c) Bộ môn và chủ nhiệm học phần cập nhật chuẩn đầu ra học phần (nếu có thay đổi) và điều chỉnh đề cương học phần (tổng quát, chi tiết) theo các nội dung cần sửa đổi nêu trên;

d) Trường khoa tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan về bản dự thảo chương trình đào tạo, đề cương các học phần. Sau khi hoàn thiện theo góp ý của các bên liên quan, Hội đồng rà soát, đánh giá, cập nhật CDR và chương trình đào tạo gửi bản dự thảo cuối đến Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa để đánh giá và thông qua.

Bước 6: Hoàn thiện CDR và CTĐT

Hội đồng rà soát, đánh giá, cập nhật CDR và chương trình đào tạo tổ chức rà soát, hoàn thiện chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo.

Bước 7: Đánh giá chương trình đào tạo cấp trường

a) Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường đánh giá, thông qua chuẩn đầu ra (khi không thuộc điều kiện quy định tại Bước 5a Điều 16) và chương trình đào tạo. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường đề xuất lấy ý kiến chuyên gia độc lập hoặc thành lập Hội đồng thẩm định trước khi thông qua chương trình đào tạo cấp Trường;

b) Trong trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định, thực hiện quy trình tương tự Bước 9 Điều 14.

Bước 8: Ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo cập nhật

a) Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường, Hiệu trưởng ký quyết định ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo;

b) Chương trình đào tạo và phụ lục được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, lưu tại Khoa đào tạo và Phòng Đào tạo.

c) Chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo và đề cương học phần tổng quát cập nhật được công bố đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau, bao gồm công bố trên trang thông tin điện tử của Trường/Khoa/Trung tâm;

d) Khoa đào tạo, Bộ môn quản lý, cập nhật đề cương học phần chi tiết và công bố đến giảng viên, người học theo quy định hiện hành.

Điều 17. Chế độ báo cáo và công khai thông tin về chương trình đào tạo

1. Hàng năm Nhà trường có trách nhiệm báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo các nội dung được quy định tại Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT.

2. Chương trình đào tạo phải được công khai đối với người học trước khi tuyển sinh và bắt đầu khóa học; những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến chương trình đào tạo được công bố đến người học trước khi áp dụng, không gây tác động bất lợi cho người học.

3. Phòng Đào tạo và Khoa có trách nhiệm công khai thông tin trên trang thông tin điện tử các nội dung sau:

a) Thông tin chung về chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, bản mô tả học phần hoặc đề cương tổng quát các học phần. Thông tin cần nêu rõ áp dụng đối với khoá tuyển sinh nào;

b) Kết quả đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, những cải tiến chương trình đào tạo đã thực hiện trong vòng 5 năm liền trước để nâng cao chất lượng đào tạo;

c) Tình trạng kiểm định của các chương trình đào tạo đang thực hiện.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm của các đơn vị

1. Phòng Đào tạo:

a) Lập kế hoạch triển khai xây dựng chương trình đào tạo mới; đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo theo chu kỳ đánh giá để các đơn vị thực hiện.

b) Tổ chức hướng dẫn cho các đơn vị để thực hiện công tác xây dựng chương trình đào tạo mới; đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo.

c) Hàng năm, trên cơ sở những nội dung của quy định này, tùy thuộc vào điều kiện cụ thể, chủ động đề xuất với Nhà trường để điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi quy định đảm bảo tính kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tế, thuận lợi cho các đơn vị triển khai thực hiện nhằm nâng cao chất lượng trong công tác xây dựng chương trình đào tạo mới; đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo.

d) Lưu trữ CDR; các chương trình đào tạo và đề cương học phần theo quy định.

2. Phòng Thanh tra và đảm bảo chất lượng:

a) Chịu trách nhiệm trong công tác kiểm tra, thanh tra nội bộ đối với việc tổ chức xây dựng chương trình đào tạo mới; đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học của Nhà trường.

b) Chủ động tham mưu cho Hiệu trưởng trong việc tổ chức triển khai công tác kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học của Nhà trường theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Các Khoa, Bộ môn:

a) Tổ chức khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực theo trình độ và ngành/chuyên ngành đào tạo; khảo sát nhu cầu người sử dụng lao động đối với người tốt nghiệp ngành/chuyên ngành đào tạo khi tiến hành mở ngành mới.

b) Chịu trách nhiệm chất lượng về nội dung trong công tác xây dựng chương trình đào tạo mới; đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học đối với các ngành, chuyên ngành Khoa, Bộ môn quản lý.

c) Thực hiện rà soát và đáp ứng các yêu cầu về đội ngũ giảng viên, nhân sự hỗ trợ theo quy định ở Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT và quy định hiện hành về tỷ lệ học viên/giảng viên theo ngành đào tạo.

d) Lưu trữ CDR, chương trình đào tạo và đề cương học phần theo quy định.

4. Các đơn vị khác: Phối hợp chặt chẽ với đơn vị thường trực trong việc tổ chức thực hiện công tác xây dựng chương trình đào tạo mới; đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học và trình độ thạc sĩ của Nhà trường đảm bảo kịp thời, hiệu quả và theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 19. Điều khoản thi hành

1. Trưởng các đơn vị trong toàn trường có trách nhiệm phổ biến quy định này đến tất cả các cán bộ, giảng viên để chủ động tổ chức triển khai thực hiện.

2. Tất cả các đơn vị, cá nhân tham gia thực hiện công tác xây dựng chương trình đào tạo mới; đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo phải tuân thủ thực hiện đầy đủ, nghiêm túc theo đúng các nội dung của quy định này.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc bất cập so với tình hình thực tế. Trưởng các đơn vị tập hợp ý kiến, báo cáo bằng văn bản cho Hiệu trưởng (qua Phòng Đào tạo) để xem xét, nghiên cứu giải quyết cho phù hợp với điều kiện cụ thể của Nhà trường hoặc bổ sung, điều chỉnh quy định cho phù hợp.



TS. Hoàng Hùng Thắng

PHỤ LỤC 1
HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG, BAN HÀNH, ÁP DỤNG CHUẨN ĐẦU RA (CĐR) VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (CTĐT)

Ban hành kèm theo Quyết định số 12 /QĐ-ĐHCNQN, ngày 25 tháng 02 năm 2025

của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

1.1. Hướng dẫn xây dựng CĐR và CTĐT

Tên bước	Mô tả bước thực hiện	Chịu trách nhiệm thực hiện	Hồ sơ lưu trữ tại Khoa	Hồ sơ lưu trữ tại PĐT
Bước 1: Lập kế hoạch	Lập kế hoạch chi tiết hoạt động xây dựng CĐR và CTĐT	- Trường Khoa	Kế hoạch xây dựng CĐR và CTĐT (Biểu mẫu 01)	Kế hoạch xây dựng CĐR và CTĐT (Biểu mẫu 01)
Bước 2: Thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo (HĐXD CTĐT)	- Đề xuất thành viên HĐXD CTĐT theo yêu cầu ở Điều 12. - Phân công nhiệm vụ cho các thành viên sau khi Hiệu trưởng phê duyệt quyết định thành lập HĐXD CTĐT	- Trường Khoa - HĐXD CTĐT	- Giấy đề nghị thành lập HĐXD/HĐTĐ CTĐT (Biểu mẫu 02) - Quyết định thành lập HĐXD/HĐTĐ CTĐT (Biểu mẫu 03). - Phân công nhiệm vụ trong HĐXD CTĐT (Biểu mẫu 04)	Giấy đề nghị thành lập HĐXD CTĐT (Biểu mẫu 02) và Quyết định thành lập HĐXD CTĐT (Biểu mẫu 03).
Bước 3: Khảo sát, xác định nhu cầu, thu thập thông tin từ các bên liên quan (BLQ)	- Lập kế hoạch và thực hiện thu thập thông tin từ các BLQ - Phương pháp, hình thức thu thập thông tin, đối tượng, nội dung cần thu thập và số lượng mẫu tối thiểu theo quy định ở Điều 14 - Tổng hợp và báo cáo kết quả	- HĐXD CTĐT	- Kế hoạch thu thập, thông tin từ các BLQ (Biểu mẫu 05) - Phiếu khảo sát (giấy, online) (Biểu mẫu 06: tham khảo), Biên bản Hội thảo, bảng ghi nhận các góp ý trực tiếp, email... - Báo cáo kết quả khảo sát (Biểu mẫu 07) - Báo cáo thu thập thông tin (Biểu mẫu 08)	- Lập kế hoạch và thực hiện thu thập thông tin từ các BLQ - Phiếu khảo sát, biên bản hội thảo - Báo cáo kết quả khảo sát - Báo cáo thu thập thông tin
Bước 4: Xây dựng mục tiêu và CĐR của CTĐT	- Xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và CĐR của CTĐT (<i>xem chi tiết ở mục 1.2 trong phụ lục này</i>) - PTT&ĐBCL góp ý kiến; lấy ý kiến các BLQ - HĐKH&ĐT Khoa và HĐKH&ĐT Trường thông qua CĐR của CTĐT	- HĐXD CTĐT; - PTT&ĐBCL; BLQ - HĐKH&ĐT Khoa - HĐKH&ĐT Trường	- Biên bản họp HĐ XD CTĐT về xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và CĐR của CTĐT (Biểu mẫu 10) - Chuẩn đầu ra (Biểu mẫu 14) - Phiếu góp ý CĐR - Biên bản HĐKH&ĐT Khoa (Biểu mẫu 11) - Biên bản HĐKH&ĐT Trường (Biểu mẫu 11)	Biên bản HĐKH&ĐT Khoa Biên bản HĐKH&ĐT Trường
Bước 5: Xác định cấu trúc, khối lượng	- Xác định khối lượng học tập, xây dựng cấu trúc CTĐT	- HĐXD CTĐT	- Biên bản họp HĐXD CTĐT về xác định	

kiến thức cần thiết của CTĐT	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng ma trận kỹ năng - HĐ KH&ĐT Khoa xem xét góp ý bản dự thảo ma trận kỹ năng để thể hiện rõ sự phát triển kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm qua các học phần, thành phần của chương trình đào tạo trong một giai đoạn nhất định hoặc trong toàn bộ quá trình đào tạo. 	- HĐKH&ĐT Khoa	khối lượng kiến thức cần thiết của CTĐT; về cấu trúc thiết kế và khối lượng kiến thức của CTĐT (Biểu mẫu 17) <ul style="list-style-type: none"> - Chương trình đào tạo (dự thảo 1) - Ma trận kỹ năng (dự thảo) - Biên bản HĐKH&ĐT Khoa 	
Bước 6: Đối sánh CTĐT	<ul style="list-style-type: none"> - Đối sánh với CTĐT cùng trình độ, cùng ngành đã được kiểm định. Tối thiểu 2 chương trình trong nước và khuyến khích 1 chương trình quốc tế. - Dự thảo CTĐT 	- HĐXD CTĐT	<ul style="list-style-type: none"> - Bảng Đối sánh CTĐT (Biểu mẫu 16) - Chương trình đào tạo (Biểu mẫu 15) 	Bản đối sánh CTĐT
Bước 7: Xây dựng đề cương các học phần	- Tổ chức biên soạn đề cương chi tiết cho các học phần trên cơ sở CDR, mục tiêu các học phần đã thông qua tại Bước 4 và Quy định về công tác giảng dạy hiện hành.	- Bộ môn; HĐXD CTĐT	<ul style="list-style-type: none"> - Đề cương các học phần (Biểu mẫu 19) - Biên bản thông qua đề cương/ Biên bản thẩm định đề cương (cấp bộ môn/Khoa) (Biểu mẫu 20) 	Biên bản thông qua đề cương/ Biên bản thẩm định đề cương chi tiết học phần
Bước 8: Tổ chức lấy ý kiến về CTĐT	<ul style="list-style-type: none"> - Lấy ý kiến các BLQ về CTĐT (đối tượng lấy ý kiến tương tự Bước 3) - Hoàn thiện CTĐT trên cơ sở ý kiến phản hồi - HĐKH&ĐT Khoa đánh giá, thông qua trước khi gửi về Phòng Đào tạo. 	- HĐXD CTĐT - HĐKH&ĐT Khoa	<ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản thể hiện hoạt động tổ chức hội thảo, lấy ý kiến; (Biên bản hội thảo CTĐT: Biểu mẫu 21) - Bảng tổng hợp ý kiến. - Chương trình đào tạo (Biểu mẫu 15) - Đề cương các học phần (Biểu mẫu 19) - Biên bản thông qua CTĐT của HĐ KH&ĐT Khoa 	Biên bản thông qua CTĐT của HĐ KH&ĐT Khoa
Bước 9: Thẩm định CTĐT	<ul style="list-style-type: none"> - Thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT theo yêu cầu tại Điều 13. - Hội đồng thẩm định CTĐT đánh giá cho ý kiến, thông qua CTĐT; - HĐXD CTĐT tiếp thu, giải trình và chỉnh sửa theo góp ý của Hội đồng thẩm định CTĐT 	- HĐ KH&ĐT trường đề xuất trên cơ sở đề xuất của Khoa - HĐTĐ CTĐT - HĐXD CTĐT	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị thành lập HĐTĐ CTĐT (Biểu mẫu 02) - Quyết định thành lập HĐ thẩm định (Biểu mẫu 03) - Biên bản thẩm định CTĐT (Biểu mẫu 22) - Chuẩn đầu ra (Biểu mẫu 14) - Chương trình đào tạo (Biểu mẫu 15) - Giải trình chỉnh sửa CTĐT (Biểu mẫu 23) 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định thành lập HĐ thẩm định - Biên bản thẩm định CTĐT - Giải trình chỉnh sửa CTĐT (Biểu mẫu 23) - Biên bản HĐKH&ĐT Trường

	- Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường xem xét, thông qua CTĐT	- HĐ KH&ĐT trường	- Biên bản họp HĐKH&ĐT Trường	
Bước 10: Ban hành CTĐT	- Hiệu trưởng ký quyết định ban hành, áp dụng chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo - Lập chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra và phụ lục chương trình đào tạo thành 02 bản có giá trị như nhau, 01 bản lưu tại Khoa, 01 bản gửi về PĐT - Khoa quản lý File mềm chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo và phụ lục và cung cấp theo yêu cầu để các đơn vị công bố đến các bên liên quan.	- PĐT - Hiệu trưởng - Khoa	- Quyết định ban hành - Chuẩn đầu ra (Biểu mẫu 14) - Chương trình đào tạo (Biểu mẫu 15) - Bản mô tả CTĐT (Biểu mẫu 18), phụ lục (bao gồm Bộ đề cương chi tiết các học phần)	- Quyết định ban hành - Chuẩn đầu ra (Biểu mẫu 14) - Chương trình đào tạo (Biểu mẫu 15) - Bản mô tả CTĐT (Biểu mẫu 18), phụ lục.
Bước 11: Báo cáo và lưu trữ hồ sơ	- Báo cáo Bộ GDĐT - Công bố trên trang thông tin điện tử	- Phòng TT&ĐBCL - Phòng ĐT, Khoa		

1.2. Chi tiết các công việc xây dựng/rà soát CDR

Tên công việc (CV)	Mô tả bước thực hiện	Chịu trách nhiệm thực hiện	Hồ sơ lưu trữ tại Khoa	Hồ sơ lưu trữ tại PĐT
CV 1: Xây dựng dự thảo CDR và kế hoạch khảo sát CDR	- Dự thảo 1 (mới hoặc điều chỉnh, cập nhật) về CDR của CTĐT. - CDR được xây dựng, cập nhật theo mục tiêu của CTĐT, quy định của Khung trình độ quốc gia, các tiêu chí kiểm định chất lượng CTĐT đã, đang thực hiện hoặc định hướng thực hiện như MOET, AUN-QA, ABET, ... - Đối sánh CDR CTĐT	HỖXD CTĐT	- Chuẩn đầu ra (Biểu mẫu 14) - Kế hoạch thu thập, thông tin từ các BLQ (Biểu mẫu 05) - Bảng đối sánh	Kế hoạch thu thập, thông tin từ các BLQ
CV 2: Lấy ý kiến về bản dự thảo CDR CTĐT	Tổ chức lấy ý kiến bằng các biện pháp như: Khảo sát, Tổ chức hội thảo, góp ý trực tiếp về bản dự thảo 1 CDR CTĐT	Trưởng khoa, HỖXD CTĐT	Biên bản Hội thảo/ Phiếu khảo sát/ Email, biên bản góp ý	Biên bản Hội thảo/ Phiếu khảo sát/ Email, biên bản góp ý
CV 3: Tổng hợp số liệu khảo sát và xây dựng dự thảo lần 2 về	- Tổng hợp và xử lý số liệu sau khảo sát. - Chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện dự thảo CDR lần 2.	HỖXD CTĐT	- Báo cáo thu thập thông tin về CDR - Chuẩn đầu ra (Biểu mẫu 14)	Báo cáo thu thập thông tin về CDR

CDR				
CV4: Hoàn thiện CDR	Thực hiện các hoạt động sau theo trình tự: - Tổ chức lấy ý kiến trong Khoa, các chuyên gia và Phòng TT&ĐBCL về bản dự thảo CDR lần 2 và chỉnh trên cơ sở các ý kiến phản hồi - Thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa - Công bố dự thảo các CDR trên trang thông tin điện tử của Nhà trường để lấy ý kiến góp ý trước khi ban hành Tiếp thu các ý kiến đóng góp và điều chỉnh (dự thảo lần 3)	Trưởng Khoa HĐXD CTĐT P. TT&ĐBCL HĐKH&ĐT Khoa	- Biên bản Hội thảo/ Phiếu khảo sát/ Email, biên bản góp ý - Báo cáo thu thập thông tin về CDR - Phiếu xem xét CDR - Biên bản của HĐKH&ĐT Khoa	Biên bản Hội thảo/ Phiếu khảo sát/ Email, biên bản góp ý. Báo cáo thu thập thông tin về CDR. Biên bản của HĐKH&ĐT Khoa.
CV5: Ban hành	- Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường thông qua trước khi ban hành CDR - Ban hành CDR	HĐKH&ĐT Trường Hiệu trưởng	- Biên bản Hội đồng KH&ĐT Trường - Quyết định ban hành Chuẩn đầu ra (Biểu mẫu 25)	- Biên bản Hội đồng KH&ĐT Trường - Các CDR và Quyết định ban hành Chuẩn đầu ra (Biểu mẫu 25)

1.3. Áp dụng CDR, CTĐT và thu thập các ý kiến phản hồi

Sau khi có quyết định ban hành, Khoa triển khai áp dụng CTĐT và lên kế hoạch thực hiện lấy ý kiến phản hồi hoặc tiếp nhận kết quả lấy ý kiến phản hồi (do Phòng Ban khác tổ chức thực hiện) để làm cơ sở cải tiến CDR, CTĐT, đề cương, phương pháp giảng dạy, đánh giá học phần... Các ý kiến, thông tin phản hồi bao gồm nhưng không giới hạn trong các nguồn và chủ đề sau:

- Ý kiến của người học về các học phần và hoạt động giảng dạy của giảng viên;
- Khảo sát ý kiến của người học mới nhập học;
- Khảo sát khóa học (dành cho người học vừa hoàn thành chương trình đào tạo);
- Khảo sát tình hình việc làm (sinh viên) và thay đổi công việc, thăng tiến trong công việc (người học các chương trình sau đại học);
- Ý kiến của doanh nghiệp về người lao động là cựu học viên của Khoa;
- Bảng phân tích phổ điểm và các ý kiến của giảng viên, chủ nhiệm học phần, Bộ môn về cải tiến hoạt động dạy và học, các đề xuất ứng dụng NCKH vào giảng dạy;
- Các ý kiến thu thập được từ các buổi họp Hội đồng Khoa học & Đào tạo Khoa và sinh hoạt chuyên môn của Bộ môn.

PHỤ LỤC 2
HƯỚNG DẪN RÀ SOÁT, CẬP NHẬT CHUẨN ĐẦU RA (CĐR) VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (CTĐT)
Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHCNQN, ngày 25 tháng 02 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

Tên bước	Mô tả bước thực hiện	Chịu trách nhiệm thực hiện	Hồ sơ lưu trữ tại Khoa	Hồ sơ lưu trữ tại PĐT
1. Lập Kế hoạch	- Khoa phụ trách ngành đào tạo lập kế hoạch chi tiết hoạt động rà soát, đánh giá, cập nhật CĐR và CTĐT.	Trưởng khoa phụ trách ngành đào tạo	- Kế hoạch rà soát đánh giá, cập nhật CĐR và CTĐT (Biểu mẫu 01)	- Kế hoạch rà soát đánh giá, cập nhật CĐR và CTĐT (Biểu mẫu 01)
2. Thành lập Hội đồng rà soát, đánh giá, cập nhật CĐR và chương trình đào tạo (HĐRS CTĐT)	- Khoa phụ trách ngành đào tạo đề xuất thành viên HĐRS CTĐT. - Phòng ĐT soạn thảo Quyết định trình thành lập HĐRS CTĐT trình Hiệu trưởng ký duyệt. - HĐRS CTĐT phân công nhiệm vụ cho các thành viên.	Trưởng khoa Phòng ĐT; Hiệu trưởng Chủ tịch HĐRS CTĐT	- Giấy đề nghị thành lập HĐRS CTĐT (Biểu mẫu 02) - Quyết định thành lập HĐRS CTĐT (Biểu mẫu 03) - Phân công nhiệm vụ trong HĐRS CTĐT (Biểu mẫu 04)	- Giấy đề nghị thành lập HĐRS CTĐT (Biểu mẫu 02) - Quyết định thành lập HĐRS CTĐT (Biểu mẫu 03) - Phân công nhiệm vụ trong HĐRS CTĐT
3. Khảo sát, xác định nhu cầu, thu thập thông tin từ các BLQ	HĐRS CTĐT thực hiện: - Xác định các thông tin đã có và phương pháp thu thập thông tin từ các BLQ - Khảo sát các đơn vị liên quan về CĐR và CTĐT. (có thể theo mẫu phiếu tham khảo của Trường hoặc chủ động xây dựng mẫu phiếu phù hợp với ngành) - Tổng hợp, phân tích, đánh giá các thông tin phản hồi của các đơn vị liên quan đến CTĐT;	HĐRS CTĐT	- Kế hoạch thu thập, thông tin từ các BLQ (Biểu mẫu 05) - Phiếu khảo sát (giấy, online), (Biểu mẫu 06: tham khảo) - Báo cáo kết quả khảo sát (trong đó phân tích số liệu khảo sát, báo cáo khảo sát) (Biểu mẫu 07)	- Kế hoạch thu thập, thông tin từ các BLQ - Phiếu khảo sát - Báo cáo kết quả khảo sát
4. Đánh giá tính hiệu quả của CĐR và CTĐT đang thực hiện	HĐRS CTĐT thực hiện: - Xử lý, phân tích thông tin thu thập ở Bước 3; - Lập báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của CĐR và CTĐT đang thực hiện; - Đối sánh với CTĐT cùng ngành trong và	HĐRS CTĐT	- Báo cáo đánh giá tính hiệu quả của CTĐT đang áp dụng (Biểu mẫu 09) - Bảng Đối sánh CTĐT (Biểu mẫu 16)	- Báo cáo đánh giá tính hiệu quả của CTĐT đang áp dụng - Bảng Đối sánh CTĐT - Báo cáo về việc thu thập

Tên bước	Mô tả bước thực hiện	Chịu trách nhiệm thực hiện	Hồ sơ lưu trữ tại Khoa	Hồ sơ lưu trữ tại PĐT
6. Hoàn thiện CĐR và CTĐT	Hội đồng rà soát, đánh giá, cập nhật CĐR và chương trình đào tạo tổ chức rà soát, hoàn thiện CĐR và CTĐT.	HĐRS CTĐT	- Biên bản họp HĐ RS CTĐT (về việc đối sánh, hoàn thiện CTĐT) (Biểu mẫu 17) - Bản mô tả CTĐT (Biểu mẫu 18)	
7. Đánh giá CTĐT cấp Trường	- HĐ KH&ĐT Trường đánh giá, thông qua CĐR và CTĐT. - Trong trường hợp cần thiết, HĐ KH&ĐT Trường đề xuất lấy ý kiến chuyên gia độc lập hoặc thành lập Hội đồng thẩm định trước khi thông qua CTĐT cấp Trường;	HĐRS CTĐT	- Biên bản họp HĐ KH&ĐT Trường (Biểu mẫu 24) - Nếu thành lập HĐ TD CTĐT thì cần có Biên bản thẩm định CTĐT (Biểu mẫu 22) - Giải trình chỉnh sửa CTĐT (Biểu mẫu 23)	- Biên bản thẩm định CTĐT (của hội đồng thẩm định hoặc của Hội đồng KH&ĐT) - Biên bản góp ý của chuyên gia về CTĐT (nếu có) - Giải trình chỉnh sửa CTĐT (Biểu mẫu 23)
8. Ban hành chuẩn đầu ra và CTĐT cập nhật	Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường, Hiệu trưởng ký quyết định ban hành CĐR và CTĐT;	HĐ KH&ĐT Trường; PĐT; Hiệu trưởng	- Quyết định ban hành CĐR, CTĐT	- Quyết định ban hành - Chuẩn đầu ra (Biểu mẫu 14) - Chương trình đào tạo (Biểu mẫu 15) - Bản mô tả chương trình đào tạo (Biểu mẫu 18)
9. Báo cáo và lưu trữ hồ sơ	- Báo cáo Bộ GDĐT - Công bố trên trang thông tin điện tử của Trường	PTT&ĐBCL PĐT Khoa	- Hồ sơ, các Quyết định về việc rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT	- Hồ sơ, các Quyết định về việc rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT

PHỤ LỤC 3
HƯỚNG DẪN CHI TIẾT VIỆC XÂY DỰNG/RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHCNQN, ngày 25 tháng 02 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

Tên bước	Mô tả bước thực hiện	Chịu trách nhiệm thực hiện	Hồ sơ lưu trữ tại Khoa	Hồ sơ lưu trữ tại PĐT
1. Công bố mẫu ĐCCTHP	- Phòng Đào tạo ban hành quy định về việc xây dựng, rà soát, điều chỉnh CĐR và CTĐT trong đó có quy định mẫu đề cương chi tiết học phần.	Phòng Đào tạo		- Quy định về việc xây dựng, rà soát, điều chỉnh CĐR và CTĐT.
2. Phân công GV biên soạn Đề cương chi tiết học phần	- Trên cơ sở ý kiến của Bộ môn, Khoa đề nghị phân công giảng viên biên soạn đề cương chi tiết học phần gửi phòng Đào tạo - Phòng Đào tạo soạn thảo Quyết định giao nhiệm vụ biên soạn đề cương chi tiết học phần trình Hiệu trưởng ký duyệt.	Trưởng khoa Phòng ĐT; Hiệu trưởng	- Đề nghị phân công GV biên soạn ĐCCTHP - Quyết định giao nhiệm vụ biên soạn ĐCCTHP	- Đề nghị phân công GV biên soạn ĐCCTHP - Quyết định giao nhiệm vụ biên soạn ĐCCTHP
3. Biên soạn ĐCCTHP	- Giảng viên căn cứ vào khung CTĐT và CĐR được phân nhiệm để biên soạn đề cương chi tiết học phần	Giảng viên được giao nhiệm vụ	- Dự thảo ĐCCTHP	
4. Thảo luận lấy ý kiến các bên liên quan	- Bộ môn tổ chức thảo luận lấy ý kiến của các GV trong bộ môn, khoa và các sinh viên đã tham gia học phần này.	Bộ môn	- Biên bản thảo luận của bộ môn	- Biên bản thảo luận của bộ môn
5. Giảng viên biên soạn chỉnh sửa lần 1	- Căn cứ vào ý kiến góp ý, GV biên soạn chỉnh sửa ĐCCTHP cho phù hợp.	Giảng viên được giao nhiệm vụ	- Dự thảo ĐCCTHP sửa lần 1	
6. Hội đồng KHĐT khoa đánh giá	Hội đồng KHĐT cấp khoa họp thẩm định, thông qua ĐCCTHP	Hội đồng KHĐT khoa	- Biên bản họp HĐ KHĐT khoa	- Biên bản họp HĐ KHĐT khoa
7. Giảng viên biên soạn chỉnh sửa lần 2	- Căn cứ ý kiến góp ý của Hội đồng KHĐT Khoa, GV biên soạn chỉnh sửa ĐCCTHP cho phù hợp.	HĐ KHĐT Khoa	- ĐCCTHP	- ĐCCTHP
8. BM chuyên ĐCCTHP cho HĐ xây dựng/ rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT	- Bộ môn/Khoa ký vào ĐCCTHP, chuyển cho HĐ xây dựng/ rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT để quản lý, tập hợp vào CTĐT, sau khi đầy đủ chuyển cho phòng Đào tạo trình Hiệu trưởng ký duyệt, ban hành.	- Bộ môn - Hội đồng xây dựng/ rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT - Phòng ĐT	- Quyết định ban hành CTĐT - Bản CTĐT có đầy đủ các ĐCCTHP	- Quyết định ban hành CTĐT - Bản CTĐT có đầy đủ các ĐCCTHP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH
KHOA.....

Biểu mẫu 01-QT.11/ĐT
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày ... tháng năm 20...

KẾ HOẠCH
XÂY DỰNG/ RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ, CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 về việc Quy định chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Quyết định số 300/QĐ-ĐHCNQN ngày 05 tháng 7 năm 2021 ban hành kèm theo Quy chế đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh; Quyết định số 600/QĐ-ĐHCNQN ngày 29 tháng 11 năm 2021 ban hành kèm theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Căn cứ kế hoạch số.....của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh về việc xây dựng/rà soát, đánh giá, cải tiến chất lượng CTĐT ngành....

Trên cơ sở tình hình thực tế và triển khai nhiệm vụ kế hoạch công tác đào tạo năm học, Khoa..... lập kế hoạch xây dựng/ rà soát, đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ như sau:

I. Mục đích

- Tổ chức xây dựng/ rà soát, đánh giá, cải tiến chất lượng đối với chương trình đào tạo..... trình độ của Nhà trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Xây dựng/ rà soát, đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của thực tế. Sau khi xây dựng/ rà soát, đánh giá, cải tiến thì chất lượng nội dung chương trình phải được cập nhật thay đổi để nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp.

II. Nguyên tắc

- Việc xây dựng/ rà soát, đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo phải có cơ sở, đảm bảo tính khoa học, tính kế thừa của các chương trình đào tạo hiện hành; Cấu trúc của chương trình đào tạo phải đảm bảo theo những quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Quy trình xây dựng/ rà soát, đánh giá, cải tiến chất lượng các chương trình đào tạo phải bám sát Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

III. Nội dung công việc và quy trình thực hiện

TT	Nội dung công việc	Người/ đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện

IV. Kế hoạch kinh phí thực hiện công việc (nếu cần)

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (02);
- PDT;
- PTT&ĐBCL;
- Lưu: VT, Khoa (02).

TRƯỜNG KHOA

TS.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA:..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày ... tháng ... năm 20...

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Thành lập Hội đồng xây dựng/rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo

Kính gửi: - Phòng Đào tạo
- Phòng Tổ chức - Cán bộ
- Ban Giám hiệu Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

Thực hiện thông báo/kế hoạch số..... ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh về việc xây dựng/ rà soát, đánh giá và cập nhật các chương trình đào tạo, Khoa đề nghị thành lập Hội đồng xây dựng/ rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo, cụ thể:

1. Chương trình đào tạo:
2. Trình độ:
3. Ngành:.....Mã ngành:.....
4. Danh sách Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo:

TT	Họ và tên (học hàm, học vị)	Chuyên môn	Đơn vị	Nhiệm vụ	Điện thoại, email
1				Chủ tịch	
2				Ủy viên	
....				Ủy viên	
			Đơn vị sử dụng lao động	Ủy viên	
				Ủy viên thư ký	

Khoa..... kính trình Hiệu trưởng phê duyệt thành lập Hội đồng xây dựng/rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo để Khoa thực hiện công việc theo kế hoạch./.

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

1. Số lượng thành viên Hội đồng xây dựng/ rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo là số lẻ, từ 5 đến 11 thành viên.

2. Thành viên Hội đồng xây dựng/ rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về tiêu chuẩn, cơ cấu, thành phần như sau:

a) Đại diện tiêu biểu cho giảng viên am hiểu về ngành, chuyên ngành đào tạo, trực tiếp tham gia giảng dạy hoặc quản lý đào tạo của trường, có năng lực xây dựng và phát triển chương trình đào tạo.

b) Chuyên gia phát triển chương trình đào tạo và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học;

c) Đại diện giới tuyển dụng lao động trong lĩnh vực chuyên môn liên quan, có am hiểu về yêu cầu năng lực nghề nghiệp và các vị trí việc làm trong lĩnh vực của ngành đào tạo.

d) Cơ cấu Hội đồng xây dựng/ rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo gồm Chủ tịch, Thư ký và các ủy viên. Chủ tịch Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo là giảng viên cơ hữu của trường, có trình độ từ tiến sĩ trở lên đúng ngành hoặc ngành gần (đối với chương trình đào tạo trình độ đại học) và phó giáo sư trở lên đúng ngành hoặc ngành gần (đối với chương trình đào tạo trình độ sau đại học). Các thành viên còn lại yêu cầu trình độ từ thạc sĩ, trừ người sử dụng lao động có trình độ từ đại học hoặc có 05 năm kinh nghiệm thực tiễn thuộc lĩnh vực của CTĐT.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA:..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày ... tháng ... năm 20...

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo

Kính gửi: - Phòng Đào tạo
- Phòng Tổ chức - Cán bộ
- Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường
- Ban Giám hiệu Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

Thực hiện thông báo/kế hoạch số..... ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh về việc xây dựng/ rà soát, đánh giá và cập nhật các chương trình đào tạo, Khoa đề nghị thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo, cụ thể:

1. Chương trình đào tạo:

2. Trình độ:

3.

Ngành:.....Mã

ngành:.....

4. Danh sách Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo:

TT	Họ và tên (học hàm, học vị)	Chuyên môn	Đơn vị	Nhiệm vụ	Điện thoại, email
1	PGS.TS. Lê Văn A		Khoa....	Chủ tịch	
2				Ủy viên	
....				Ủy viên	
			Đơn vị sử dụng lao động	Ủy viên	
				Ủy viên thư ký	

HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

1. Số lượng thành viên Hội đồng thẩm định là số lẻ, có ít nhất 5 thành viên, gồm Chủ tịch, Thư ký, tối thiểu 02 ủy viên phân biệt thuộc hai cơ sở đào tạo khác nhau và các ủy viên Hội đồng; trong đó có ít nhất 01 thành viên là người đại diện cho đơn vị sử dụng lao động.

2. Thành viên Hội đồng thẩm định phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo có trình độ từ tiến sĩ trở lên đúng ngành hoặc ngành gần đối với chương trình đào tạo thuộc ngành mới (đối với chương trình đào tạo trình độ đại học); giáo sư hoặc phó giáo sư đúng ngành hoặc ngành gần (đối với chương trình đào tạo trình độ sau đại học).

b) Các chuyên gia am hiểu về ngành, chuyên ngành đào tạo, có năng lực xây dựng, phát triển chương trình đào tạo và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học;

c) Thành viên Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo không là thành viên Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo.

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày ... tháng ... năm 20...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng xây dựng/ rà soát, đánh giá, cập nhật
chương trình đào tạo
Trình độ....., ngành....., mã ngành.....

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2021 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐT ngày 06 tháng 11 năm 2023 của hội đồng trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-ĐHCNQN ngày ... tháng ... năm Quy định về tổ chức xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Theo đề nghị Trường đơn vị đào tạo (ghi cụ thể) và Trưởng Phòng Tổ chức Cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Hội đồng xây dựng/ rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo trình độngànhMã ngành..... của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh và cử các ông (bà) có tên sau đây làm thành viên:

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Hội đồng có trách nhiệm chỉ đạo, thực hiện việc xây dựng/ rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo theo đúng Quy định của pháp luật hiện hành. Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên Hội đồng xây dựng do Chủ tịch phân công.

Các thành viên của Hội đồng xây dựng/ rà soát, đánh giá, cập nhật được hưởng các chế độ theo quy định hiện hành.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng các đơn vị trong toàn trường và các ông (bà) có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Giám hiệu (02);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT (02).

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG XÂY DỰNG/ RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ, CẬP NHẬT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TRÌNH ĐỘ:..... NGÀNH:..... MÃ NGÀNH:.....

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHCNQN, ngày tháng năm của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh)

STT	Họ và tên (học hàm, học vị)	Chuyên môn	Chức vụ, đơn vị	Nhiệm vụ
1	PGS.TS. Vũ Văn An			Chủ tịch Hội đồng
2				Ủy viên
				Ủy viên
			Đơn vị sử dụng lao động	Ủy viên
....				Ủy viên thư ký

1. Số lượng thành viên Hội đồng xây dựng/ rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo là số lẻ, từ 5 đến 11 thành viên.

2. Thành viên Hội đồng xây dựng/ rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về tiêu chuẩn, cơ cấu, thành phần như sau:

a) Đại diện tiêu biểu cho giảng viên am hiểu về ngành, chuyên ngành đào tạo, trực tiếp tham gia giảng dạy hoặc quản lý đào tạo của trường, có năng lực xây dựng và phát triển chương trình đào tạo.

b) Chuyên gia phát triển chương trình đào tạo và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học;

c) Đại diện giới tuyển dụng lao động trong lĩnh vực chuyên môn liên quan, có am hiểu về yêu cầu năng lực nghề nghiệp và các vị trí việc làm trong lĩnh vực của ngành đào tạo.

d) Cơ cấu Hội đồng xây dựng / rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo gồm Chủ tịch, Thư ký và các ủy viên. Chủ tịch Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo là giảng viên cơ hữu của trường, có trình độ từ tiến sĩ trở lên đúng ngành hoặc ngành gần (đối với chương trình đào tạo trình độ đại học) và phó giáo sư trở lên đúng ngành hoặc ngành gần (đối với chương trình đào tạo trình độ sau đại học).

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày ... tháng ... năm 20...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo
Trình độ....., ngành....., mã ngành.....

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐT ngày 6 tháng 11 năm 2023 của hội đồng trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-ĐHCNQN ngày ... tháng ... năm Quy định về tổ chức xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Theo đề nghị Trường đơn vị đào tạo (ghi cụ thể) và Trưởng Phòng Tổ chức Cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ, ngành (tên ngành), mã ngành (mã ngành cấp IV) của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh
(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Hội đồng có trách nhiệm thực hiện thẩm định chương trình đào tạo ngành (tên ngành), mã ngành (mã ngành cấp IV) trình độ theo quy định của pháp luật hiện hành. Hội đồng tự giải tán sau khi hoàn thành nhiệm vụ. Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên Hội đồng thẩm định do Chủ tịch phân công.

Các thành viên của Hội đồng thẩm định được hưởng các chế độ theo quy định hiện hành.

Điều 3. Trưởng các đơn vị: Phòng Đào tạo, Phòng Tài chính kế toán, Phòng HCTH, Phòng Tổ chức Cán bộ, đơn vị đào tạo (ghi cụ thể), các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Giám hiệu (02);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT (02).

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ:..... NGÀNH:..... MÃ NGÀNH:.....

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHCNQN, ngày tháng năm
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh)

STT	Họ và tên (học hàm, học vị)	Chuyên môn	Chức vụ, đơn vị	Nhiệm vụ
1	PGS.TS. Lê Văn A			Chủ tịch
2				Phản biện 1
				Phản biện 2
			Đơn vị sử dụng lao động	Ủy viên
....				Ủy viên thư ký

1. Số lượng thành viên Hội đồng thẩm định là số lẻ, có ít nhất 5 thành viên, gồm Chủ tịch, Thư ký, tối thiểu 02 ủy viên phản biện thuộc hai cơ sở đào tạo khác nhau và các ủy viên Hội đồng; trong đó có ít nhất 01 thành viên là người đại diện cho đơn vị sử dụng lao động.

2. Thành viên Hội đồng thẩm định phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu như sau:

a) Giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ đúng ngành hoặc ngành gần đối với chương trình đào tạo thuộc ngành mới;

b) Các chuyên gia am hiểu về ngành, chuyên ngành đào tạo, có năng lực xây dựng, phát triển chương trình đào tạo và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học;

c) Thành viên Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo không là thành viên Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo;

d) Chủ tịch và 2 ủy viên phản biện phải có kinh nghiệm là Trưởng bộ môn trở lên;

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH
**HỘI ĐỒNG XÂY DỰNG/RÀ SOÁT, ĐÁNH
 GIÁ CẬP NHẬT CTĐT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày ... tháng ... năm 20...

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

Của Hội đồng xây dựng/ rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo

Căn cứ Kế hoạch số/KH-ĐHCNQN ngày ... tháng ... năm ..., Kế hoạch xây dựng/ rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-ĐHCNQN ngày ... tháng ... năm về việc thành lập Hội đồng xây dựng/ rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Chủ tịch Hội đồng xây dựng/ rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong Hội đồng như sau:

STT	Họ và tên	Nhiệm vụ trong HĐ	Công việc thực hiện	Thời gian thực hiện
1		Chủ tịch Hội đồng		
2		Ủy viên thư ký		
3		Ủy viên		
		Ủy viên		
...		Ủy viên		

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG
 (Ký và ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Quảng Ninh, ngày ... tháng ... năm 20...

KẾ HOẠCH THU THẬP THÔNG TIN

Căn cứ Kế hoạch số/KH-ĐHCNQN ngày ... tháng ... năm ..., Kế hoạch xây dựng/ rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-ĐHCNQN ngày ... tháng ... năm về việc thành lập Hội đồng xây dựng/ rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Hội đồng xây dựng/ rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo lập kế hoạch thu thập thông tin từ các bên liên quan như sau:

1. Nội dung kế hoạch

- Thu thập thông tin các bên liên quan: đại diện giảng viên đúng chuyên ngành, đại diện các đơn vị sử dụng lao động và hiệp hội nghề nghiệp, các chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn;

- Thông tin thu thập bao gồm: nhu cầu nhân lực theo trình độ và ngành/chuyên ngành đào tạo; nhu cầu của người sử dụng lao động đối với người tốt nghiệp ngành/chuyên ngành đào tạo; yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu, chuẩn đầu ra và yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp;

- Xây dựng các thể hiện sự cần thiết xây dựng/ rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo.

2. Phương pháp thực hiện

- Phương pháp thu thập thông tin:

Hội đồng xây dựng/ rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT nêu ra phương pháp thu thập thông tin, xây dựng mẫu phiếu khảo sát

(Phương pháp thu thập thông tin có thể bao gồm nhưng không giới hạn trong các phương pháp sau: hội thảo, phiếu khảo sát, họp chuyên môn, phỏng vấn... Trong trường hợp Trường có mẫu phiếu khảo sát chung, Hội đồng xây dựng/ rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo có thể điều chỉnh phiếu khảo sát này cho phù hợp với nhu cầu của từng chương trình và trình độ đào tạo;)

- Hình thức thu thập thông tin:

Hội đồng xây dựng/ rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT nêu ra hình thức thu thập thông tin

(Hình thức thu thập thông tin có thể bao gồm phỏng vấn trực tiếp, gửi văn bản trực tiếp hoặc online, gửi email...;)

3. Tiến độ công việc

STT	Tên công việc	Thời gian hoàn thành
1	Xây dựng mẫu phiếu khảo sát/ sử dụng mẫu chung của Trường	Ngày... tháng ... năm...
2	Gửi phiếu khảo sát/ khảo sát online... đến các đối tượng....	
3	Hội thảo	
4	Họp chuyên môn	
	
	Báo cáo kết quả khảo sát	
	Báo cáo thu thập thông tin	
	Báo cáo đánh giá tính hiệu quả của CTĐT đang thực hiện (trong trường hợp rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT)	

(Bảng trên là gợi ý công việc, Hội đồng xây dựng CTĐT thay đổi tên công việc theo ngành cho phù hợp)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu: Phiếu khảo sát Chuyên gia về ngành dự kiến mở (Đối với xây dựng CTĐT)
(Đây là mẫu phiếu gợi ý các nội dung chính; đơn vị đào tạo điều chỉnh, bổ sung theo ngành, lĩnh vực đào tạo.)

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

PHIẾU LẤY Ý KIẾN CHUYÊN GIA VỀ NHU CẦU NHÂN LỰC
ĐỐI VỚI NGÀNH ĐÀO TẠO..... (Ghi rõ tên ngành dự kiến đề xuất mở mới)

Kính gửi Quý Chuyên gia tư vấn,
Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh dự kiến mở ngành đào tạo trình độ trong thời gian sắp tới.
Nhà trường kính mong Quý Chuyên gia tư vấn có kinh nghiệm và hiểu biết về lĩnh vực... .. dành thời gian cho ý kiến về nhu cầu nhân lực đối với ngành
Các ý kiến đóng góp và nhận xét của Quý Chuyên gia tư vấn sẽ giúp Trường ĐH Công nghiệp Quảng Ninh có căn cứ để đề xuất mở ngành đào tạo và xây dựng CTĐT của ngành mới mở này.

Phần I. Thông tin cá nhân

Họ và tên:

Độ tuổi 30 – 40 40 - 50 trên 50

Giới tính Nam Nữ

Chức vụ

Cơ quan công tác

Địa chỉ cơ quan

Số điện thoại liên hệ

Địa chỉ thư điện tử

Chuyên môn

Kinh nghiệm công tác

- | | | | | |
|---------------|----------------------------------|----------------------------------|-----------------------------------|-----------|
| 1. Quản lý | <input type="checkbox"/> < 5 năm | <input type="checkbox"/> > 5 năm | <input type="checkbox"/> > 10 năm | Khác..... |
| 2. Nghiên cứu | <input type="checkbox"/> < 5 năm | <input type="checkbox"/> > 5 năm | <input type="checkbox"/> > 10 năm | Khác..... |
| 3. Giáo dục | <input type="checkbox"/> < 5 năm | <input type="checkbox"/> > 5 năm | <input type="checkbox"/> > 10 năm | Khác..... |
| 4. Tư vấn | <input type="checkbox"/> < 5 năm | <input type="checkbox"/> > 5 năm | <input type="checkbox"/> > 10 năm | Khác..... |

Phần II. Lấy ý kiến về ngành đào tạo

1. Mức độ cần thiết của ngành đào tạo

- Rất không cần thiết*
- Không cần thiết*
- Phân vân*
- Cần thiết*
- Rất cần thiết*

2. Theo Ông/Bà, nhu cầu tuyển dụng đối với người tốt nghiệp từ ngành đào tạo này sẽ tăng hoặc giảm hoặc không thay đổi trong tương lai?

Trả lời		Giải thích (nếu cần)
Tăng	<input type="checkbox"/>	
Giảm	<input type="checkbox"/>	
Không đổi	<input type="checkbox"/>	

3. Theo Ông/Bà, người học tốt nghiệp từ ngành đào tạo cần có những năng lực gì? (Đánh dấu x vào mức lựa chọn)

Các mức lựa chọn gồm:

1: Rất không cần thiết; 2: Không cần thiết; 3: Bình thường; 4: Cần thiết; 5: Rất cần thiết.

TT	Nội dung	Mức độ cần thiết				
		1	2	3	4	5
1	Tính sáng tạo trong công việc					
2	Tư duy phân biện					
3	Năng lực ngoại ngữ					
4	Năng lực công nghệ thông tin					
5	Năng lực kỹ thuật số					
6	Mức độ tự chủ trong công việc					
7	Đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp					
8	Kỹ năng giao tiếp (với đồng nghiệp, khách hàng)					
9	Kỹ năng làm việc nhóm					
10	Kỹ năng giải quyết vấn đề có tính liên ngành/phức hợp					
11	Kỹ năng quản lý chất lượng công việc					
12	Tinh thần kỷ luật trong công việc					
13	Tinh thần cầu thị, học hỏi trong công việc					
14	Ý thức phát triển bền vững					
15	Trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội					
16	Sự cam kết đồng hành đối với Cơ quan/doanh nghiệp					

4. Ông/Bà có những yêu cầu đặc biệt nào đối với người học tốt nghiệp từ ngành này?

.....

5. Theo Ông/Bà, người học tốt nghiệp từ ngành đào tạo này cần lưu ý thêm các điều gì khi xin ứng tuyển vào các vị trí việc làm tại các cơ quan/doanh nghiệp?

.....

Xin cảm ơn Ông/Bà đã dành thời gian tư vấn.

Chữ ký

Ngày cho ý kiến tư vấn

Mẫu: Phiếu khảo sát Doanh nghiệp/NSDLĐ về nhu cầu đối với ngành đào tạo dự kiến mở (Đối với xây dựng CTĐT)

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH**

PHIẾU LẤY Ý KIẾN DOANH NGHIỆP / NHÀ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG VỀ NHU CẦU NHÂN LỰC ĐỐI VỚI NGÀNH ĐÀO TẠO

(Ghi rõ tên ngành dự kiến đề xuất mở mới)

*Kính thưa Quý Doanh nghiệp và Nhà sử dụng lao động,
Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh dự kiến mở ngành đào tạo trình độ trong thời gian sắp tới.
Để giúp cho nội dung chương trình đào tạo (CTĐT) nói trên đáp ứng nhu cầu nhân lực thực tế tại các doanh nghiệp và thị trường lao động tại địa phương, Trường ĐHCNQN kính mong Quý Doanh nghiệp và Nhà sử dụng lao động có kinh nghiệm và hiểu biết về lĩnh vực dành thời gian cho ý kiến về nhu cầu nhân lực đối với ngành
Các ý kiến đóng góp và nhận xét của Quý Doanh nghiệp và Nhà sử dụng lao động sẽ giúp Trường ĐHCNQN có thêm căn cứ vững chắc để đề xuất mở ngành đào tạo này.*

Phần I. Thông tin cá nhân

Họ và tên		
Độ tuổi	<input type="checkbox"/> 30-40	<input type="checkbox"/> 40-50	<input type="checkbox"/> trên 50
Giới tính	<input type="checkbox"/> Nam	<input type="checkbox"/> Nữ	
Chức vụ		
Nơi làm việc		
Địa chỉ		
Lĩnh vực hoạt động		
Số điện thoại liên hệ		
Địa chỉ thư điện tử		

Kinh nghiệm công tác

- Quản lý < 5 năm > 5 năm > 10 năm Khác.....
- Nghiên cứu < 5 năm > 5 năm > 10 năm Khác.....
- Tư vấn < 5 năm > 5 năm > 10 năm Khác.....

Phần II. Lấy ý kiến về sự cần thiết (nhu cầu) mở ngành đào tạo

1. Mức độ cần thiết của ngành đào tạo

- Rất không cần thiết
- Không cần thiết
- Phân vân
- Cần thiết
- Rất cần thiết

2. Đối với ngành đào tạo dự kiến mở nêu trên, trong thời gian 02 năm trở lại đây, cơ quan, tổ chức của Ông/Bà đã tuyển dụng bao nhiêu người? người.

3. Nếu cơ quan, tổ chức của Ông/Bà có nhu cầu tuyển dụng nhân sự mới, Ông/Bà có cân nhắc việc tuyển người học tốt nghiệp từ ngành đào tạo này?

Trả lời	Giải thích (nếu cần)	
Có	<input type="checkbox"/>	

Không	<input type="checkbox"/>	
-------	--------------------------	--

4. Cơ quan, tổ chức của Ông/Bà có sẵn sàng tiếp nhận người học từ ngành đào tạo..... về thực tập/thực tế?

Trả lời		Giải thích (nếu cần)
Có	<input type="checkbox"/>	
Không	<input type="checkbox"/>	

5. Theo Ông/Bà biết, nhu cầu tuyển dụng đối với người tốt nghiệp từ ngành đào tạo này sẽ tăng hoặc giảm hoặc không thay đổi trong tương lai?

Trả lời		Giải thích (nếu cần)
Tăng	<input type="checkbox"/>	
Giảm	<input type="checkbox"/>	
Không đổi	<input type="checkbox"/>	

6. Theo Ông/Bà, người học tốt nghiệp từ ngành đào tạo cần có những năng lực gì? (Đánh dấu x vào mức đánh giá. Các mức đánh giá gồm:

1: Rất không cần thiết; 2: Không cần thiết; 3: Bình thường; 4: Cần thiết; 5: Rất cần thiết)

TT	Nội dung	Mức độ cần thiết				
		1	2	3	4	5
1	Tính sáng tạo trong công việc					
2	Tư duy phản biện					
3	Năng lực ngoại ngữ					
4	Năng lực công nghệ thông tin					
5	Năng lực kỹ thuật số					
6	Mức độ tự chủ trong công việc					
7	Đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp					
8	Kỹ năng giao tiếp (với đồng nghiệp, khách hàng)					
9	Kỹ năng làm việc nhóm					
10	Kỹ năng giải quyết vấn đề có tính liên ngành/phức hợp					
11	Kỹ năng quản lý chất lượng công việc					
12	Tinh thần kỷ luật trong công việc					
13	Tinh thần cầu thị, học hỏi trong công việc					
14	Ý thức phát triển bền vững					
15	Trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội					
16	Sự cam kết đồng hành đối với Cơ quan/doanh nghiệp					

7. Ông/Bà có những yêu cầu đặc biệt nào đối với người học tốt nghiệp từ ngành này?

.....

... 8. Theo Ông/Bà, người học tốt nghiệp từ ngành đào tạo này cần lưu ý thêm các điều gì khi xin ứng tuyển vào các vị trí việc làm tại cơ quan, tổ chức của Ông/Bà?

.....

Xin cảm ơn Ông/Bà đã dành thời gian cho ý kiến.

Chữ ký

Ngày cho ý kiến:.....

Mẫu: Phiếu khảo sát nhu cầu Người học đối với ngành đào tạo dự kiến mở (trình độ đại học)

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH**

**PHIẾU LẤY Ý KIẾN NGƯỜI HỌC
VỀ NHU CẦU ĐỐI VỚI NGÀNH ĐÀO TẠO
(TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC)
(Ghi rõ tên ngành dự kiến đề xuất mở mới)**

*Kính thưa Quý Anh/Chị,
Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh dự kiến mở ngành đào tạo trình độ đại học trong thời gian sắp tới.
Để giúp cho nội dung chương trình đào tạo (CTĐT) nói trên đáp ứng nhu cầu người học tiềm năng, Trường ĐHCNQN kính mời Anh/Chị dành thời gian cho ý kiến về nhu cầu của người học đối với ngành đào tạo / CTĐT
Các ý kiến đóng góp và nhận xét của Quý Anh/Chị sẽ giúp Trường ĐHCNQN có thêm căn cứ để đề xuất mở ngành đào tạo / CTĐT này.*

Phần I. Thông tin cá nhân

Họ và tên
 Độ tuổi dưới 18 từ 18 đến 22 trên 22
 Giới tính Nam Nữ
 Số điện thoại liên hệ Điện thoại bàn:
 Điện thoại di động:
 Địa chỉ thư điện tử
 Nơi cư trú trong tỉnh Quảng Ninh ngoài tỉnh Quảng Ninh
 Anh/Chị là cựu sinh viên Trường ĐH Công nghiệp Quảng Ninh
 cựu học viên Trường ĐH Công nghiệp Quảng Ninh
 cựu người học của một cơ sở đào tạo khác

Phần II. Lấy ý kiến về ngành đào tạo dự kiến mở

Câu 1. Anh / Chị vui lòng cho biết đánh giá của bản thân về mức độ cần thiết của các năng lực, phẩm chất sau đây mà CTĐT dự kiến sẽ đào tạo, trang bị cho người học. (Đánh dấu x vào mức đánh giá. Các mức đánh giá gồm:

1: *Rất không cần thiết* ; 2: *Không cần thiết* ; 3: *Bình thường* ; 4: *Cần thiết* ; 5: *Rất cần thiết*)

TT	Năng lực, phẩm chất	Mức độ cần thiết				
		1	2	3	4	5
1	Nắm vững kiến thức chuyên môn toàn diện					
2	Nắm vững kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn					
3	Hiểu biết các nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội					
4	Kỹ năng thực hành chuyên môn					

TT	Năng lực, phẩm chất	Mức độ cần thiết				
		1	2	3	4	5
5	Kỹ năng giải quyết vấn đề thuộc chuyên môn					
6	Kỹ năng giải quyết vấn đề có tính liên ngành/phức hợp					
7	Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành					
8	Kỹ năng làm việc nhóm (phối hợp trong công việc)					
9	Kỹ năng giao tiếp					
10	Kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ					
11	Tư duy phản biện					
12	Năng lực công nghệ thông tin					
13	Năng lực kỹ thuật số					
14	Năng lực đổi mới sáng tạo					
15	Năng lực học tập trọn đời					
16	Tư duy khởi nghiệp					
17	Đạo đức nghề nghiệp					
18	Trách nhiệm xã hội					
19	Ý thức phục vụ cộng đồng					
20	Ý thức phát triển bền vững					

Câu 2. Anh / Chị có nhu cầu theo học CTĐT hay không?

- Có
 Phân vân
 Không

Câu 3. [trường hợp trả lời Có/Phân vân ở Câu 2] Anh / Chị vui lòng cho biết mong muốn có được các năng lực, phẩm chất nào khác từ CTĐT

Câu 4. Anh / Chị vui lòng cho biết phương thức Nhà trường sẽ thông tin đến Anh / Chị về ngành đào tạo dự kiến mở nêu trên. (có thể chọn nhiều hơn 1 phương thức)

- Thông tin trên trang thông tin điện tử của Trường ĐHCNQN
 Thông tin qua các tờ rơi, tài liệu phát tay
 Thông tin qua thư điện tử
 Thông tin trên các phương tiện truyền thông xã hội
 Hình thức khác. Vui lòng ghi rõ:

Xin cảm ơn Anh/Chị đã dành thời gian cho ý kiến.

Chữ ký
Ngày cho ý kiến.....

Mẫu: Phiếu khảo sát nhu cầu Người học đối với ngành đào tạo dự kiến mở (trình độ thạc sĩ)

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH**

**PHIẾU LẤY Ý KIẾN NGƯỜI HỌC VỀ NHU CẦU
ĐỐI VỚI NGÀNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ (Ghi rõ tên ngành dự kiến đề xuất mở mới)**

*Kính thưa Quý Anh/Chị,
Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh dự kiến mở ngành đào tạo
trình độ thạc sĩ.
Để giúp cho nội dung chương trình đào tạo (CTĐT) nói trên đáp ứng nhu cầu người học tiềm năng, Trường ĐHCông nghiệp Quảng Ninh kính mời Anh/Chị dành thời gian cho ý kiến về nhu cầu của người học đối với CTĐT / ngành đào tạo
Các ý kiến đóng góp và nhận xét của Quý Anh/Chị sẽ giúp Trường ĐHCNQN có thêm căn cứ để đề xuất mở CTĐT / ngành đào tạo này.*

Phần I. Thông tin cá nhân

Họ và tên

Độ tuổi dưới 25 từ 25 đến 40 trên 40

Giới tính Nam Nữ

Số điện thoại liên hệ Điện thoại bàn:

Điện thoại di động:

Địa chỉ thư điện tử

Nơi cư trú trong tỉnh Quảng Ninh ngoài tỉnh Quảng Ninh

Anh/Chị hiện đang có việc làm

hiện không có việc làm

Anh/Chị là cựu sinh viên Trường ĐH Công nghiệp Quảng Ninh

cựu học viên Trường ĐH Công nghiệp Quảng Ninh

cựu người học của một cơ sở đào tạo khác

Phần II. Lấy ý kiến về CTĐT/ ngành đào tạo dự kiến mở

Câu 1. Anh / Chị vui lòng cho biết đánh giá của bản thân về mức độ cần thiết của các năng lực, phẩm chất sau đây mà CTĐT / ngành đào tạo dự kiến sẽ đào tạo, trang bị cho người học

(Đánh dấu x vào mức đánh giá. Các mức đánh giá gồm:

1: *Rất không cần thiết*; 2: *Không cần thiết*; 3: *Bình thường*; 4: *Cần thiết*; 5: *Rất cần thiết*)

TT	Năng lực, phẩm chất	Mức độ cần thiết				
		1	2	3	4	5
1	Nắm vững kiến thức chuyên môn toàn diện					
2	Nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo					
3	Kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn					

TT	Năng lực, phẩm chất	Mức độ cần thiết				
		1	2	3	4	5
4	Kỹ năng giải quyết vấn đề thuộc chuyên môn một cách khoa học					
5	Kỹ năng chuyên sâu cho nghiên cứu trong chuyên ngành được đào tạo					
6	Năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo					
7	Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo					
8	Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến					
9	Năng lực làm việc độc lập, sáng tạo					
10	Năng lực thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác trong hoạt động chuyên môn					
11	Năng lực học tập trọn đời					
12	Đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp					
13	Trách nhiệm xã hội					
14	Ý thức phục vụ cộng đồng					
15	Ý thức phát triển bền vững					

Câu 2. Anh / Chị có nhu cầu theo học CTĐT hay không?

- Có
 Phân vân
 Không

Câu 3. [trường hợp trả lời Có/Phân vân ở Câu 2] Anh / Chị vui lòng cho biết mong muốn có được các năng lực, phẩm chất nào khác từ CTĐT / ngành đào tạo.....

Câu 4. Anh / Chị vui lòng cho biết phương thức Nhà trường sẽ thông tin đến Anh / Chị về ngành đào tạo dự kiến mở nêu trên. (có thể chọn nhiều hơn 1 phương thức)

- Thông tin trên trang thông tin điện tử của Trường ĐHCNQN
 Thông tin qua các tờ rơi, tài liệu phát tay
 Thông tin qua thư điện tử
 Thông tin trên các phương tiện truyền thông xã hội
 Hình thức khác. Vui lòng ghi rõ:

Xin cảm ơn Anh/Chị đã dành thời gian cho ý kiến.

Chữ ký
Ngày cho ý kiến.....

Mẫu: Phiếu khảo sát nhu cầu Người học đối với ngành đào tạo dự kiến mở (trình độ tiến sĩ)

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

PHIẾU LẤY Ý KIẾN NGƯỜI HỌC VỀ NHU CẦU
ĐỐI VỚI NGÀNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ (Ghi rõ tên ngành dự kiến đề xuất mở mới)

Kính thưa Quý Anh/Chị,
Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh dự kiến mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ.
Để giúp cho nội dung chương trình đào tạo (CTĐT) nói trên đáp ứng nhu cầu người học tiềm năng, Trường ĐHCông nghiệp Quảng Ninh kính mời Anh/Chị dành thời gian cho ý kiến về nhu cầu của người học đối với CTĐT / ngành đào tạo
Các ý kiến đóng góp và nhận xét của Quý Anh/Chị sẽ giúp Trường ĐHCNQN có thêm căn cứ để đề xuất mở CTĐT / ngành đào tạo này.

Phần I. Thông tin cá nhân

Họ và tên
Độ tuổi dưới 30 từ 30 đến 40 trên 40
Giới tính Nam Nữ
Số điện thoại liên hệ Điện thoại bàn:
Điện thoại di động:
Địa chỉ thư điện tử
Nơi cư trú trong tỉnh Quảng Ninh ngoài tỉnh Quảng Ninh
Anh/Chị hiện đang có việc làm
 hiện không có việc làm
Anh/Chị là cựu sinh viên Trường ĐH Công nghiệp Quảng Ninh
 cựu học viên Trường ĐH Công nghiệp Quảng Ninh
 cựu người học của một cơ sở đào tạo khác

Phần II. Lấy ý kiến về CTĐT/ ngành đào tạo dự kiến mở

Câu 1. Anh / Chị vui lòng cho biết đánh giá của bản thân về mức độ cần thiết của các năng lực, phẩm chất sau đây mà CTĐT / ngành đào tạo dự kiến sẽ đào tạo, trang bị cho người học

(Đánh dấu x vào mức đánh giá. Các mức đánh giá gồm:

1: *Rất không cần thiết*; 2: *Không cần thiết*; 3: *Bình thường*; 4: *Cần thiết*; 5: *Rất cần thiết*)

TT	Năng lực, phẩm chất	Mức độ cần thiết				
		1	2	3	4	5
1	Kiến thức tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu của lĩnh vực ngành đào tạo.					
2	Kiến thức cốt lõi, nền tảng thuộc lĩnh vực của chuyên ngành đào tạo.					
3	Kiến thức về tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới.					

TT	Năng lực, phẩm chất	Mức độ cần thiết				
		1	2	3	4	5
4	Kiến thức về quản trị tổ chức.					
5	Kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển.					
6	Kỹ năng tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn					
7	Kỹ năng suy luận, phân tích các vấn đề khoa học và đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo.					
8	Kỹ năng quản lý, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển.					
9	Năng lực giải quyết những vấn đề mới về khoa học, công nghệ.					
10	Năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo tri thức mới.					
11	Năng lực hướng dẫn nghiên cứu khoa học và hoạt động chuyên môn.					
12	Năng lực ngoại ngữ để tham gia thảo luận trong nước và quốc tế thuộc ngành hoặc lĩnh vực nghiên cứu và phổ biến các kết quả nghiên cứu					
13	Đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp.					
14	Trách nhiệm xã hội.					
15	Ý thức phục vụ cộng đồng.					
16	Ý thức phát triển bền vững.					

Câu 2. Anh / Chị có nhu cầu theo học CTĐT hay không?

- Có
 Phân vân
 Không

Câu 3. [trường hợp trả lời Có/Phân vân ở Câu 2] Anh / Chị vui lòng cho biết mong muốn có được các năng lực, phẩm chất nào khác từ CTĐT / ngành đào tạo.....

Câu 4. Anh / Chị vui lòng cho biết phương thức Nhà trường sẽ thông tin đến Anh / Chị về ngành đào tạo dự kiến mở nêu trên. (có thể chọn nhiều hơn 1 phương thức)

- Thông tin trên trang thông tin điện tử của Trường ĐHCNQN
 Thông tin qua các tờ rơi, tài liệu phát tay
 Thông tin qua thư điện tử
 Thông tin trên các phương tiện truyền thông xã hội
 Hình thức khác. Vui lòng ghi rõ:

Xin cảm ơn Anh/Chị đã dành thời gian cho ý kiến.

Chữ ký

Ngày cho ý kiến.....

BỘ CÔNG THƯƠNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

**PHIẾU KHẢO SÁT
LẤY Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Ngành:

Trình độ:.....

Mục đích của phiếu khảo sát:

Đánh giá về mức độ cập nhật, tính phù hợp của CTĐT hiện hành Định hướng đào tạo đáp ứng được nhu cầu xã hội.

Ngày thu thập thông tin:/...../.....

A. Thông tin chung về đối tượng khảo sát:

1. Thông tin cá nhân về đối tượng khảo sát

Họ và tên:.....

Năm sinh:..... Giới tính: Nam Nữ

Trình độ học vấn:

Tiến sĩ Thạc sĩ Đại học Khác

Nghề nghiệp:..... Vị trí công tác:.....

Điện thoại:..... Email:.....

2. Thông tin chung về doanh nghiệp/tổ chức làm việc của đối tượng khảo sát

Tên đơn vị/ tổ chức:.....

Địa chỉ :.....

Điện thoại:..... Email:.....

Đơn vị/tổ chức thuộc thành phần (Quản lý Nhà nước, Khu vực viện nghiên cứu, trường đại học, Khu vực kinh tế nhà nước, Khu vực kinh tế tư nhân, Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, Các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ, Thành phần khác):
.....

Đơn vị/tổ chức thuộc lĩnh vực/ngành sản xuất/kinh doanh: (cụ thể về lĩnh vực sản xuất/kinh doanh).....

B. Nội dung khảo sát:

I. Đánh giá chung mức độ đáp ứng của CTĐT hiện hành:

* Dành cho tất cả đối tượng khảo sát (Chuyên gia giáo dục, Giảng viên, Cựu người học, Doanh nghiệp, Tổ chức XH-NN)

Mức độ: **1:** Rất không đồng ý ; **2:** Không đồng ý; **3:** Phân vân; **4:** Đồng ý;

5: Rất đồng ý

TT	Nội dung khảo sát	1	2	3	4	5
1	Nội dung, yêu cầu về chuẩn đầu ra được chuyển tải đầy đủ vào CTĐT hiện hành?					

2	CTĐT hiện hành cung cấp đủ thông tin giúp người học hiểu về ngành/chuyên ngành đào tạo?					
3	Mỗi môn học có đóng góp rõ ràng vào việc đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT hiện hành?					
4	Mục tiêu đào tạo của ngành học mô tả trong CTĐT hiện hành là rõ ràng (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể)?					
5	Thời lượng của chương trình đào tạo đủ để phát triển kiến thức, kỹ năng theo mục tiêu đào tạo?					
6	Chương trình đào tạo phù hợp với trình độ sinh viên đại học/học viên?					
7	CTĐT hiện hành thể hiện rõ định hướng về kiến thức và kỹ năng ngành rộng và chuyên ngành sâu?					
8	Thời lượng các học phần thực hành đủ để hình thành các kỹ năng nghề nghiệp chuyên môn?					
9	CTĐT có các học phần tích hợp đào tạo kỹ năng mềm (ngoại ngữ, giao tiếp, làm việc nhóm, thuyết trình...)?					
10	Nội dung CTĐT hiện hành mang tính cập nhật về xã hội, Khoa học công nghệ?					

* Dành riêng cho đối tượng khảo sát là các *Chuyên gia giáo dục, Doanh nghiệp, Tổ chức XH-NN*.

TT	Nội dung khảo sát	1	2	3	4	5
1	Chuẩn đầu ra trong CTĐT hiện hành có đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động?					
2	Chuẩn đầu ra trong CTĐT hiện hành thể hiện được tính cập nhật so với sự phát triển chung về KHCN, xã hội?					
3	Cung cấp đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng lao động hiểu về năng lực và kỹ năng nghề nghiệp chính, kỹ năng mềm được trang bị thông qua CTĐT hiện hành?					
4	Cung cấp đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng lao động hiểu về năng lực và các kỹ năng khác được trang bị thông qua CTĐT hiện hành?					
5	Ý thức, thái độ của người học được yêu cầu lồng ghép trong các học phần thuộc CTĐT hiện hành đã đáp ứng chuẩn đầu ra và mục tiêu đã công bố?					

II. Đánh giá cụ thể nội dung chương trình đào tạo hiện hành (cấu trúc các khối kiến thức, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy...):

* Dành cho tất cả đối tượng khảo sát (*Chuyên gia giáo dục, Giảng viên, Cựu người học, Doanh nghiệp, Tổ chức XH-NN*)

Mức độ: 1: Rất không đồng ý ; 2: Không đồng ý; 3: Phân vân; 4: Đồng ý; 5: Rất đồng ý

TT	Nội dung khảo sát	1	2	3	4	5
	Tính hợp lý về cấu trúc các khối kiến thức, sự định hướng trong khung CTĐT					
1.	CTĐT hiện hành thể hiện sự cân đối giữa các khối kiến thức đại cương và chuyên ngành?					
2.	CTĐT hiện hành thể hiện sự cân đối giữa nhóm các học phần lý thuyết với nhóm các học phần thực hành, thực tập, đồ án, KLTN?					
3.	CTĐT hiện hành thể hiện sự cân đối giữa nhóm các học phần bắt buộc với nhóm các học phần tự chọn?					
4.	CTĐT hiện hành cho phép lựa chọn và đăng ký học phần tự chọn linh hoạt, đáp ứng nhu cầu của người học?					
5.	CTĐT hiện hành thể hiện rõ định hướng lựa chọn chuyên ngành sâu thông qua các học phần tự chọn?					
	Tính hợp lý trong đề cương chi tiết các học phần					
6.	Đề cương chi tiết học phần cung cấp đủ thông tin giúp SV/học viên đạt được mục tiêu của môn học?					
7.	Đề cương chi tiết học phần đảm bảo kiến thức cần thiết đóng góp vào chuẩn đầu ra cho người học?					
8.	Đề cương chi tiết học phần thể hiện rõ phương pháp giảng dạy?					
9.	Phương pháp đánh giá đang áp dụng trong từng học phần là phù hợp, đảm bảo tính công khai, minh bạch?					
10.	Tài liệu học tập, tài liệu tham khảo quy định trong đề cương chi tiết học phần là phù hợp, có tính cập nhật?					

11. Xin cho biết học phần nào nên loại bỏ khỏi chương trình đào tạo?

.....

12. Xin cho biết học phần nào nên thêm vào chương trình đào tạo để đạt chuẩn đầu ra đã công bố?

.....

13. Xin cho biết những giáo trình, thiết bị, phần mềm hay nguồn tài nguyên đặc biệt nào khác mà bạn nghĩ có thể hỗ trợ tốt hơn cho chương trình đào tạo?

.....

.....
.....
.....
.....
14. Xin cho biết học phần nào có thời lượng quá ngắn không đủ để đạt được mục tiêu của học phần?

.....
.....
.....
15. Xin cho biết học phần nào có thời lượng quá dài?

.....
.....
.....
16. Xin cho biết học phần nào cần có phương thức đánh giá thích hợp hơn, đề nghị nêu cụ thể tên học phần và cách đánh giá?

.....
.....
.....
* Dành riêng cho đối tượng khảo sát là các *Chuyên gia giáo dục, Doanh nghiệp, Tổ chức XH-NN.*

.....
.....
.....
17. CTĐT hiện hành thể hiện rõ được đặc thù của ngành đào tạo, đồng thời đáp ứng mục tiêu đào tạo theo định hướng ứng dụng? Nếu chưa rõ thì cần bổ sung thêm yếu tố nào nữa?.....

.....
.....
.....
18. CTĐT hiện hành thể hiện được tính cập nhật, chất lượng khi so sánh tương đương với CTĐT của các cơ sở đào tạo khác? Nếu chưa tương đương thì cần bổ sung thêm yếu tố nào nữa?

.....
.....
.....
19. Cần thêm nội dung/môn học nào vào CTĐT thì mới có thể đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động sau khi tốt nghiệp?

-
.....
.....
.....
20. CTĐT hiện hành có tính linh hoạt, đáp ứng với sự thay đổi liên tục của thực tiễn?
Doanh nghiệp, tổ chức XH-NN có muốn tham gia vào việc triển khai CTĐT trong Nhà trường?
-
.....
.....

Xin trân trọng cảm ơn Ông/Bà đã dành thời gian cho ý kiến góp ý để Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh hoàn thiện được chương trình đào tạo trình độ ngành

**XÁC NHẬN CỦA CƠ
QUAN/TỔ CHỨC**

NGƯỜI NHẬN XÉT

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

**PHIẾU KHẢO SÁT LẤY Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ CHUẨN ĐẦU RA
NGÀNH:.....**

Trình độ:.....

Mục đích của phiếu khảo sát:

1. Đánh giá về yêu cầu cần có về chuẩn đầu ra của nhân lực ngànhtrình độ theo thực tế;
2. Đánh giá các nội dung đã xây dựng trong bộ chuẩn đầu ra ngành, Trường Đại học công nghiệp Quảng Ninh

Ngày thu thập thông tin:...../...../.....

Thông tin về doanh nghiệp/ tổ chức/ cá nhân cung cấp thông tin

A. Thông tin chung về người cung cấp thông tin

3. Họ và tên:.....
4. Năm sinh:..... Giới tính: Nam Nữ
5. Trình độ học vấn:
Tiến sĩ Thạc sĩ Đại học Khác
6. Nghề nghiệp: Vị trí công tác:
7. Điện thoại: Email:

B. Thông tin chung về doanh nghiệp/ tổ chức

6. Tên đơn vị/ tổ chức:
7. Địa chỉ:
- Điện thoại:Email:.....

I. Khảo sát yêu cầu cần có về chuẩn đầu ra của nhân lực tốt nghiệp ngànhtrình độ theo thực tế:

1. Đơn vị/tổ chức của Ông/Bà cần nhân sự liên quan đến lĩnh vựcở các vị trí công tác nào? Với mỗi vị trí đó, yêu cầu người làm việc phải có kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, trách nhiệm, phẩm chất đạo đức như thế nào?

STT	Vị trí công tác	Số lượng	Yêu cầu		
			Về kiến thức	Về kỹ năng	Về năng lực tự chủ, trách nhiệm; phẩm chất đạo đức
1	
2	
3	

2. Ông/Bà đánh giá như thế nào về mức độ cần thiết của các kiến thức/kỹ năng cứng sau đây đối với nhân lực tốt nghiệp ngànhtrình độ

TT	Các kiến thức / kỹ năng chuyên môn	Mức độ cần thiết				Mức độ yêu cầu				
		Không quan tâm	Ít cần	Cần	Rất cần	Biết	Thực hành cơ bản	Hiểu rõ và thực hành được	Thực hành thành thạo	Lãnh đạo/sáng tạo
1	Kiến thức chuyên môn									
	<i>Kiến thức cơ bản về KHTN, KHXX</i>									
	<i>Kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật</i>									
	<i>Kiến thức cơ bản về an ninh – quốc phòng</i>									
	<i>Kiến thức về ngoại ngữ</i>									
	<i>Kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin</i>									
	<i>Kiến thức cơ bản về</i>									
	<i>Kiến thức về</i>									
	<i>Kiến thức về</i>									
	<i>.....</i>									
2	Kỹ năng thực hành nghề nghiệp									
	<i>Kỹ năng về....</i>									
	<i>Kỹ năng về....</i>									
	<i>.....</i>									
3	Kỹ năng xử lý tình huống									
	<i>Kỹ năng phát hiện và xử lý</i>									
	<i>Kỹ năng</i>									

Ngoài các kiến thức, kỹ năng chuyên môn đã được liệt kê trên đây, theo Ông/Bà, nhân lực tốt nghiệp ngànhtrình độ cần có thêm các kiến thức, kỹ năng nào khác?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

	học tập nâng cao trình độ								
2	Năng lực tự thích nghi với môi trường, tự định hướng nghề nghiệp								
3	Phẩm chất đạo đức cá nhân								
4	Trách nhiệm với nghề nghiệp								
5	Trách nhiệm với xã hội								

Ngoài các năng lực tự chủ, đạo đức, trách nhiệm đã được liệt kê trên đây, theo Ông/Bà, nhân lực tốt nghiệp ngànhtrình độ cần có thêm các năng lực tự chủ, đạo đức, trách nhiệm nào khác?

.....

II. Khảo sát các nội dung đã xây dựng trong bộ chuẩn đầu ra ngành, Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

1. Các nội dung được mô tả trong CDR của CTĐT có phản ánh mục tiêu của Chương trình đào tạo ngànhcủa Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh?

Đánh giá:

Góp ý chỉnh sửa:

.....

2. Các nội dung về kiến thức, kỹ năng và các vị trí việc làm có thể đạt được mô tả trong CDR của CTĐT có đảm bảo đầy đủ thông tin và mức độ rõ ràng để **người học** quyết định lựa chọn ngànhcủa Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh?

Đánh giá:

Góp ý chỉnh sửa:

.....

3. Các nội dung về kiến thức, kỹ năng cứng, kỹ năng mềm, năng lực tự chủ mô tả trong CDR của CTĐT có đảm bảo đầy đủ thông tin và mức độ rõ ràng để **doanh nghiệp** lựa chọn tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp ngànhcủa Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh?

Đánh giá:

Góp ý chỉnh sửa:

.....
.....
4. Nội dung mô tả vị trí việc làm có thể đạt được với sinh viên tốt nghiệp ngànhtrình độ của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh là phù hợp, bao quát hết được các lĩnh vực hiện có theo yêu cầu của xã hội?

Đánh giá:

Góp ý chỉnh sửa:
.....
.....

5. Cấu trúc phân bổ nhóm các nội dung trong chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng cứng, kỹ năng mềm, năng lực tự chủ, mức trách nhiệm có phù hợp và bao quát hết các nội dung cần có theo yêu cầu của sinh viên tốt nghiệp trình độ ngành?

Đánh giá:

Góp ý chỉnh sửa:
.....
.....

6. Số lượng các chuẩn đầu ra cần có theo yêu cầu của sinh viên tốt nghiệp trình độ ngành là phù hợp?

Đánh giá:

Góp ý chỉnh sửa:
.....
.....

III. Các ý kiến góp ý khác

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Xin trân trọng cảm ơn Ông/Bà đã dành thời gian cho ý kiến góp ý để Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh hoàn thiện được bộ Chuẩn đầu ra trình độ ngành

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN/TỔ CHỨC
(nếu có)

NGƯỜI NHẬN XÉT

4	Năng lực công nghệ thông tin					
5	Năng lực kỹ thuật số					
6	Mức độ tự chủ trong công việc					
7	Đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp					
8	Kỹ năng giao tiếp (với đồng nghiệp, khách hàng)					
9	Kỹ năng làm việc nhóm					
10	Kỹ năng giải quyết vấn đề có tính liên ngành/phức hợp					
11	Kỹ năng quản lý chất lượng công việc					
12	Tinh thần kỷ luật trong công việc					
13	Tinh thần cầu thị, học hỏi trong công việc					
14	Ý thức phát triển bền vững					
15	Trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội					
16	Sự cam kết đồng hành đối với Cơ quan/doanh nghiệp					

6. Mức độ cần thiết của các năng lực, phẩm chất mà chương trình đào tạo ngành..... trang bị cho người học

1: Rất không cần thiết; 2: Không cần thiết; 3: Bình thường; 4: Cần thiết; 5: Rất cần thiết

TT	Năng lực, phẩm chất	Tỉ lệ mức độ cần thiết %				
		1	2	3	4	5
1	Nắm vững kiến thức chuyên môn toàn diện					
2	Nắm vững kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn					
3	Hiểu biết các nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội					
4	Kỹ năng thực hành chuyên môn					
5	Kỹ năng giải quyết vấn đề thuộc chuyên môn					
6	Kỹ năng giải quyết vấn đề có tính liên ngành/phức hợp					
7	Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành					
8	Kỹ năng làm việc nhóm (phối hợp trong công việc)					
9	Kỹ năng giao tiếp					
10	Kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ					
11	Tư duy phân biện					
12	Năng lực công nghệ thông tin					
13	Năng lực kỹ thuật số					
14	Năng lực đổi mới sáng tạo					
15	Năng lực học tập trọn đời					
16	Tư duy khởi nghiệp					
17	Đạo đức nghề nghiệp					
18	Trách nhiệm xã hội					
19	Ý thức phục vụ cộng đồng					
20	Ý thức phát triển bền vững					

7. Tổng hợp những yêu cầu đặc biệt đối với người học tốt nghiệp từ ngành.....

TT	Tên người/đơn vị thực hiện khảo sát	Ý kiến góp ý

8. Người học tốt nghiệp từ ngành đào tạo cần lưu ý các điều sau khi xin ứng tuyển vào các vị trí việc làm tại các cơ quan/doanh nghiệp:

TT	Tên người/đơn vị thực hiện khảo sát	Ý kiến góp ý

9. Kết luận:

.....

Nơi nhận:

- Giám hiệu;
- Hội đồng trường;
- Hội đồng KH&ĐT
- PĐT; P TT&ĐBCL.
- Lưu Khoa, VT.

TRƯỞNG ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO

2	Kỹ năng làm việc nhóm, lập kế hoạch cho cá nhân và nhóm									
3	Kỹ năng quản lý và lãnh đạo nhóm, điều phối công việc									
4	Kỹ năng giao tiếp, đối ngoại									
5	Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, tin học chuyên ngành									
									

Các kỹ năng mềm của nhân lực tốt nghiệp ngành trình độ cần có thêm:

.....

1.4. Mức độ cần thiết của năng lực tự chủ, đạo đức, trách nhiệm đối với nhân lực tốt nghiệp ngành trình độ.....

TT	Các năng lực tự chủ, đạo đức, trách nhiệm	Mức độ cần thiết (%)				Mức độ yêu cầu (%)				
		Không quan tâm	Ít cần	Cần	Rất cần	Có một chút	Có ở mức trung bình	Tương đối đủ	Đủ	Hoàn toàn tốt
1	Năng lực nhận thức xã hội, tự học tập nâng cao trình độ									
2	Năng lực tự thích nghi với môi trường, tự định hướng nghề nghiệp									
3	Phẩm chất đạo đức cá nhân									
4	Trách nhiệm với nghề nghiệp									
5	Trách nhiệm với xã hội									

Năng lực tự chủ, đạo đức, trách nhiệm của nhân lực tốt nghiệp ngành trình độ cần có thêm:

.....

1.5. Đối với các nội dung đã xây dựng trong bộ chuẩn đầu ra ngành (rà soát, bổ sung cập nhật CDR đã ban hành)

TT	Nội dung	Đánh giá	Góp ý chỉnh sửa
1	Các nội dung được mô tả trong CDR của CTĐT có phản ánh mục tiêu của Chương trình đào tạo ngành của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh?		
2	Các nội dung về kiến thức, kỹ năng và các vị trí việc làm có thể đạt được mô tả trong CDR của CTĐT có đảm bảo đầy đủ thông tin và mức độ rõ ràng để người học quyết định lựa chọn ngành của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh?		
3	Các nội dung về kiến thức, kỹ năng cứng, kỹ năng mềm, năng lực tự chủ mô tả trong CDR của CTĐT có đảm bảo đầy đủ thông tin và mức độ rõ ràng để doanh nghiệp lựa chọn tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp ngành của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh?		
4	Nội dung mô tả vị trí việc làm có thể đạt được với sinh viên tốt nghiệp ngành trình độ của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh là phù hợp, bao quát hết được các lĩnh vực hiện có theo yêu cầu của xã hội?		
5	Cấu trúc phân bổ nhóm các nội dung trong chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng cứng, kỹ năng mềm, năng lực tự chủ, mức trách nhiệm có phù hợp và bao quát hết các nội dung cần có theo yêu cầu của sinh viên tốt nghiệp trình độ ngành?		
6	Số lượng các chuẩn đầu ra cần có theo yêu cầu của sinh viên tốt nghiệp trình độ ngành là phù hợp?		

Các ý kiến góp ý khác:

.....

.....

.....

1.6. Tổng hợp

Những nội dung cần xây dựng/ đã phù hợp trong chuẩn đầu ra:.....

Những nội dung điều chỉnh:.....

2. Chương trình đào tạo đang thực hiện (nếu CTĐT xây dựng mới thì bỏ qua mục này)

Số phiếu khảo sát thực hiện:..... phiếu

2.1. Đánh giá chung mức độ đáp ứng của CTĐT hiện hành:

Mức độ: 1: Rất không đồng ý ; 2: Không đồng ý; 3: Phân vân; 4: Đồng ý; 5: Rất đồng ý

TT	Nội dung khảo sát	Tỉ lệ % theo mức độ				
		1	2	3	4	5
1	Nội dung, yêu cầu về chuẩn đầu ra được chuyển tải đầy đủ vào CTĐT hiện hành?					
2	CTĐT hiện hành cung cấp đủ thông tin giúp người học hiểu về ngành/chuyên ngành đào tạo?					
3	Mỗi môn học có đóng góp rõ ràng vào việc đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT hiện hành?					
4	Mục tiêu đào tạo của ngành học mô tả trong CTĐT hiện hành là rõ ràng (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể)?					
5	Thời lượng của chương trình đào tạo đủ để phát triển kiến thức, kỹ năng theo mục tiêu đào tạo?					
6	Chương trình đào tạo phù hợp với trình độ sinh viên đại học/học viên?					
7	CTĐT hiện hành thể hiện rõ định hướng về kiến thức và kỹ năng ngành rộng và chuyên ngành sâu?					
8	Thời lượng các học phần thực hành đủ để hình thành các kỹ năng nghề nghiệp chuyên môn?					
9	CTĐT có các học phần tích hợp đào tạo kỹ năng mềm (ngoại ngữ, giao tiếp, làm việc nhóm, thuyết trình...)?					
10	Nội dung CTĐT hiện hành mang tính cập nhật về xã hội, Khoa học công nghệ?					
11	Chuẩn đầu ra trong CTĐT hiện hành có đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động?					
12	Chuẩn đầu ra trong CTĐT hiện hành thể hiện được tính cập nhật so với sự phát triển chung về KHCN, xã hội?					
13	Cung cấp đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng lao động hiểu về năng lực và kỹ năng nghề nghiệp chính, kỹ năng mềm được trang bị thông qua CTĐT hiện hành?					
14	Cung cấp đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng lao động hiểu về năng lực và các kỹ năng khác được trang bị thông qua CTĐT hiện hành?					
15	Ý thức, thái độ của người học được yêu cầu lồng ghép trong các học phần thuộc CTĐT hiện hành đã đáp ứng chuẩn đầu ra và mục tiêu đã công bố?					

2.2. Đánh giá cụ thể nội dung chương trình đào tạo hiện hành (cấu trúc các khối kiến thức, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy...):

Mức độ: 1: Rất không đồng ý ; 2: Không đồng ý; 3: Phân vân; 4: Đồng ý; 5: Rất đồng ý

TT	Nội dung khảo sát	Tỉ lệ % theo mức độ				
		1	2	3	4	5
	Tính hợp lý về cấu trúc các khối kiến thức, sự định hướng trong khung CTĐT					
1	CTĐT hiện hành thể hiện sự cân đối giữa các khối kiến thức đại cương và chuyên ngành?					
2	CTĐT hiện hành thể hiện sự cân đối giữa nhóm các học phần lý thuyết với nhóm các học phần thực hành, thực tập, đồ án, KLTN?					
3	CTĐT hiện hành thể hiện sự cân đối giữa nhóm các học phần bắt buộc với nhóm các học phần tự chọn?					
4	CTĐT hiện hành cho phép lựa chọn và đăng ký học phần tự chọn linh hoạt, đáp ứng nhu cầu của người học?					
5	CTĐT hiện hành thể hiện rõ định hướng lựa chọn chuyên ngành sâu thông qua các học phần tự chọn?					
	Tính hợp lý trong đề cương chi tiết các học phần					
6	Đề cương chi tiết học phần cung cấp đủ thông tin giúp SV/học viên đạt được mục tiêu của môn học?					
7	Đề cương chi tiết học phần đảm bảo kiến thức cần thiết đóng góp vào chuẩn đầu ra cho người học?					
8	Đề cương chi tiết học phần thể hiện rõ phương pháp giảng dạy?					
9	Phương pháp đánh giá đang áp dụng trong từng học phần là phù hợp, đảm bảo tính công khai, minh bạch?					
10	Tài liệu học tập, tài liệu tham khảo quy định trong đề cương chi tiết học phần là phù hợp, có tính cập nhật?					

2.3. Một số ý kiến khác

TT	Nội dung	Ý kiến
1	Học phần nên loại bỏ khỏi chương trình đào tạo	
2	Học phần nên thêm vào chương trình đào tạo để đạt chuẩn đầu ra đã công bố	
3	Những giáo trình, thiết bị, phần mềm hay nguồn tài nguyên đặc biệt khác có thể hỗ trợ tốt hơn cho chương trình đào tạo	
4	Học phần có thời lượng quá ngắn không đủ để đạt được mục tiêu của học phần	
5	Học phần nào có thời lượng quá dài	
6	Học phần cần có phương thức đánh giá thích hợp hơn (cụ thể tên học phần và cách đánh giá)	
7	CTĐT hiện hành thể hiện rõ được đặc thù của ngành đào tạo, đồng thời đáp ứng mục tiêu đào tạo theo định hướng ứng dụng? Nếu chưa rõ	

	thì cần bổ sung thêm yếu tố nào nữa	
8	CTĐT hiện hành thể hiện được tính cập nhật, chất lượng khi so sánh tương đương với CTĐT của các cơ sở đào tạo khác? Nếu chưa tương đương thì cần bổ sung thêm yếu tố nào nữa?	
9	Cần thêm nội dung/môn học nào vào CTĐT thì mới có thể đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động sau khi tốt nghiệp?	
10	CTĐT hiện hành có tính linh hoạt, đáp ứng với sự thay đổi liên tục của thực tiễn? Doanh nghiệp, tổ chức XH-NN có muốn tham gia vào việc triển khai CTĐT trong Nhà trường?	
	

2.4. Tổng hợp

Những nội dung xây dựng/đã phù hợp trong CTĐT:.....

Những nội dung điều chỉnh:.....

THƯ KÝ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

- Chuẩn đầu ra:

- Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Cuộc họp kết thúc vào hồi....h.... cùng ngày, tất cả các thành viên nhất trí thông qua.

THỦ KÝ HỘI ĐỒNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

BIÊN BẢN THÔNG QUA CHUẨN ĐẦU RA
Của Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp Khoa/trường

Hôm nay, vào hồi ... giờ....., ngày....tháng.....năm 20...., tạiTrường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh, Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa...../Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh đã tổ chức phiên họp thông qua CDR chương trình đào tạo ngành.....trình độ....., cụ thể như sau:

I. Thành phần tham dự

Hội đồng Khoa học và đào tạo cấp Khoa/Trường

STT	Học hàm/học vị - Họ và tên	Ngành Đào tạo	Chức vụ; đơn vị công tác	Chức danh HĐ
1	PGS.TS Nguyễn Văn A			Chủ tịch HĐ
2
...				Thư ký hội đồng

II. Nội dung

1. Chủ tịch Hội đồng KH&ĐT cấp Khoa/Trường tuyên bố lí do tổ chức phiên họp.
2. Trường/đại diện nhóm xây dựng/rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT báo cáo tóm tắt nội dung quá trình xây dựng, các căn cứ để xây dựng, rà soát CDR chương trình đào tạo; mục tiêu của chương trình đào tạo.
3. Thư ký Hội đồng thông qua biên bản họp thẩm định CTĐT, giải trình chỉnh sửa CTĐT (Trong TH họp HĐ KH&ĐT cấp Trường, BB họp HĐ KH&ĐT cấp khoa thì bỏ qua mục này).
4. Hội đồng KH&ĐT cho ý kiến, xem xét thông qua CDR CTĐT
5. Ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định

.....
6. Kết luận của Hội đồng KH&ĐT cấp khoa/trường:
.....

Phiên họp kết thúc vào hồi:...., ngày tháng năm 20.... Tất cả thành viên nhất trí thông qua.

Thư ký Hội đồng
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Chủ tịch Hội đồng
(Ký và ghi rõ họ, tên)

TRƯỜNG ĐH CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH · CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG XÂY DỰNG CTĐT
 NGÀNH.....
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày ... tháng ... năm 20...

**DỰ THẢO NHỮNG NỘI DUNG CẦN SỬA ĐỔI, CẬP NHẬT
 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Tên ngành:

Mã ngành:.....

Trình độ:

Hình thức đào tạo:

1. Những nội dung cần sửa đổi:

TT	Nội dung thay đổi	Lý do thay đổi	Các căn cứ thay đổi (nếu có)

2. Sự thay đổi của khung chương trình đào tạo

Khung CTĐT đang thực hiện	Sự thay đổi (Ghi: bỏ học phần, thêm học phần, thay đổi số tín chỉ của học phần...)	Ghi chú

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TRÌNH ĐỘ:.....

NGÀNH:

*(Ban hành theo Quyết định số/QĐ-ĐHCNQN ngày tháng ... năm 20...
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh)*

1. Tên ngành đào tạo

1.1. Tên tiếng việt:

1.2. Tên tiếng Anh:

2. Mã ngành: **Mã chương trình đào tạo:**

3. Trình độ đào tạo:

4. Chuẩn đầu ra:

4.1. Yêu cầu chuẩn về kiến thức:

+ Kiến thức giáo dục đại cương

.....
+ Kiến thức chuyên môn

4.2. Yêu cầu chuẩn về kỹ năng:

4.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

5. Vị trí làm việc của người học khi tốt nghiệp

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

7. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà nhà trường tham khảo

.....
- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ giáo dục và đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo.

TRƯỞNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG

TS.

TS. Hoàng Hùng Thắng

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số.... /QĐ-ĐHCNQN ngày tháng... năm 20.. của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh)

Chương trình đào tạo:	Tên chương trình tiếng Việt Tên chương trình tiếng Anh
Trình độ:	
Ngành đào tạo:	
Mã ngành:	
Bằng tốt nghiệp:	Cử nhân/Kỹ sư/.....
Ngôn ngữ đào tạo:	Tiếng Việt
Khối lượng kiến thức toàn khóa: tín chỉ (không bao gồm các học phần điều kiện và học phần tự chọn tùy ý)
Thời lượng đào tạo	... năm (tích lũy đủ số tín chỉ)
Hình thức đào tạo:(Chính quy/ Vừa làm – vừa học)

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo đã được rà soát gần đây nhất theo quyết định nào?
- Lần sửa đổi, bổ sung này, chương trình đã có những cập nhật, cải tiến gì so với chương trình đào tạo trước (chương trình liền kề trước chương trình này)?

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo**2.1. Mục tiêu chung:**

2.2. Mục tiêu cụ thể: (Trong đó có mục tiêu kiến thức về công nghệ thông tin, mục tiêu về năng lực ngoại ngữ)

PO1:.....

PO2:.....

...

POn:.....

Lưu ý: Mục tiêu của Chương trình đào tạo (CTĐT) phải được xác định rõ ràng; phải hướng đạt được sứ mạng, tầm nhìn của Trường; phải phản ánh được nhu cầu của thị trường lao động và phải tương thích với chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT

3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CĐR/PLO)

3.1. Về kiến thức

CDR1/PLO1:

CDR2/PLO2:

...

(CDR_i/PLO_i): Đạt chuẩn Tiếng Anh trình độ bậc ... theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Quy định chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

3.2. Về kỹ năng

.....

(CDR_n/PLO_n): Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định về yêu cầu chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên trình độ đại học hệ chính quy không thuộc ngành Công nghệ thông tin ban hành kèm theo Quyết định số... của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

3.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

**Lưu ý: Mỗi CTĐT không quá 17 PLO ($n \leq 17$) (17 chuẩn đầu ra)*

3.4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

4. Tuyển sinh, chuẩn đầu vào và điều kiện tốt nghiệp:

- Chuẩn đầu vào: Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo ngành là người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

- Đối tượng tuyển sinh:

+ Người học phải tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Người tốt nghiệp đại học các ngành khác của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh hoặc của các trường đại học khác có thể học chương trình thứ hai theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo quy định của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

- Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ đại học (phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ, hình thức đào tạo chính quy) và các văn bản hiện hành, được cụ thể hóa theo quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

5. Phương thức đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ, được quy định trong quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

6. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã HP	Tên Học phần	Số TC	Số tiết			Học kỳ	Mã HP tiên quyết	Mã HP kế tiếp
				LT	TH/ BT/ TL	Tự học			
1. Khối kiến thức giáo dục đại cương									
1.1 Nhóm học phần bắt buộc									
		Lý luận chính trị							
		Ngoại ngữ							
		Khoa học xã hội – Nhân văn							
		Toán-Khoa học tự nhiên-Tin							
		Kỹ năng mềm							
Cộng nhóm:									
1.2 Nhóm học phần tự chọn - phải đạt ... TC									
Cộng nhóm:									
1.3. Nhóm học phần điều kiện									
		Giáo dục thể chất							
		Giáo dục QPAN							
Cộng nhóm:									
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp									
2.1. Khối kiến thức cơ sở ngành									
Nhóm học phần bắt buộc									
Cộng nhóm:									
Nhóm học phần tự chọn - phải đạt ... TC									

STT	Mã HP	Tên Học phần	Số TC	Số tiết			Học kỳ	Mã HP tiên quyết	Mã HP kế tiếp
				LT	TH/ BT/ TL	Tự học			
Cộng nhóm:									
2.2. Khối kiến thức ngành									
Nhóm học phần bắt buộc									
Cộng nhóm:									
Nhóm học phần tự chọn - phải đạt ... TC									
Cộng nhóm:									
2.3. Khối kiến thức chuyên ngành									
Nhóm học phần bắt buộc									
Cộng nhóm:									
Nhóm học phần tự chọn - phải đạt ... TC									
Cộng nhóm:									
2.4. Nhóm học phần tốt nghiệp - phải đạt ... TC									
		Thực tập tốt nghiệp							
		Khóa luận tốt nghiệp							
		Hoặc các môn thi thay thế Khóa luận tốt nghiệp							
Cộng nhóm:									
Tổng số tín chỉ bắt buộc:; Tổng số tín chỉ các nhóm tự chọn:									

7. Ma trận tích hợp Học phần – Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Ma trận kỹ năng)

S T T	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (CĐR)															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ, trách nhiệm			
			PLO1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO...	PLO...	PLO...	PLO...	PLO...	PLO...	PLO...	PLO...	PLO...	PLO...		
			2							2					3	3		
				3		4					3		3	2	4			
					3			3		3							3	

Lưu ý: - Đối với CĐR Kiến thức; Kỹ năng; Mức tự chủ, trách nhiệm: Ghi các mức độ đạt được của từng chuẩn theo thang đo (bằng số) tương ứng với từng học phần

- Về kiến thức (Theo thang đo Bloom), Về kỹ năng (Theo thang đo Dave), mức tự chủ, trách nhiệm (Theo thang đo Krathwohl) hoặc CĐR Kiến thức; Kỹ năng; Mức tự chủ, trách nhiệm (Theo thang đo năng lực tổng hợp Mit)

10. Tiến trình đào tạo

Học kỳ 1						
STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		
				Lý thuyết	TH/BT/ TL/ĐA	Tự học
Cộng						
Học kỳ						
Cộng						
Học kỳ 8						
		Khoá luận TN				
Tổng cộng						

Quá trình tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần thuộc Chương trình đào tạo được triển khai theo hình thức trực tiếp hoặc kết hợp trực tiếp với trực tuyến, đảm bảo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh về tổ chức đào tạo.

**Lưu ý: Đóng kèm toàn bộ đề cương các học phần theo CTĐT*

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

**THAM KHẢO THANG ĐO NHẬN THỨC, KỸ NĂNG, THÁI ĐỘ ĐỂ
XÂY DỰNG CDR, CTĐT, DCCT:**

THANG ĐO NHẬN THỨC CỦA BLOOM TRONG ĐÁNH GIÁ DẠY HỌC

Nhóm	Thang đo năng lực	Mô tả chi tiết
Nhớ (Remember)	(1)	Nhớ là khả năng ghi nhớ và nhận diện thông tin. Nhớ là mức độ cần thiết cho tất cả các mức độ tư duy. Nhớ ở đây được hiểu là nhớ lại các kiến thức đã học một cách máy móc và nhắc lại. Để đánh giá mức độ nhớ của sinh viên, khi đặt câu hỏi kiểm tra thầy cô có thể dùng những động từ: liệt kê, gọi tên, định danh, giới thiệu, chỉ ra, xác định, nhận biết, nhớ lại, đối chiếu, phân loại, mô tả, định vị, phác thảo, lấy ví dụ, phân biệt....
Hiểu (Understand)	(2)	Hiểu là khả năng hiểu, diễn dịch, diễn giải, giải thích hoặc suy diễn (dự đoán được kết quả hoặc hậu quả). Hiểu đơn thuần là nhắc lại cái gì đó, sinh viên phải có khả năng diễn đạt khái niệm theo ý hiểu của họ. Với mục đích đánh giá xem sinh viên hiểu bài đến đâu, thầy cô có thể dùng các động từ sau trong câu hỏi kiểm tra: diễn giải, phân biệt, chứng tỏ, hình dung, trình bày lại, viết lại, lấy ví dụ, tóm tắt, giải thích, diễn dịch, mô tả, so sánh, chuyển đổi, ước lượng....
Áp dụng (Apply)	(3)	Áp dụng là khả năng sử dụng thông tin và chuyển đổi kiến thức từ dạng này sang dạng khác (sử dụng những kiến thức trong hoàn cảnh mới). Vận dụng là bắt đầu mức tư duy sáng tạo. Tức là vận dụng những gì đã học vào đời sống hoặc một tình huống mới. Để đánh giá khả năng vận dụng của sinh viên thì câu hỏi mà thầy cô sử dụng thường có các động từ sau: áp dụng, phân loại, sửa đổi, đưa vào thực tế, chứng minh, ước tính, vận hành, giải quyết, minh họa, tính toán, diễn dịch, thao tác, dự đoán, bày tỏ.....
Phân tích (Analyze)	(4)	Phân tích là khả năng nhận biết chi tiết, phát hiện và phân biệt các bộ phận cấu thành của thông tin hay tình huống. Ở mức độ này đòi hỏi khả năng phân nhỏ đối tượng thành các hợp phần cấu thành để hiểu rõ hơn cấu trúc của nó. Muốn đánh giá khả năng phân tích của sinh viên, khi đặt câu hỏi kiểm tra thầy cô có thể sử dụng các động từ: đối chiếu, so sánh, chỉ ra sự khác biệt, phân loại, phác thảo, liên hệ, phân tích, tổ chức, suy luận, lựa chọn, vẽ biểu đồ, phân biệt...
Đánh giá (Avaluate)	(5)	Đánh giá là dựa trên những tiêu chí, tiêu chuẩn thông qua quá trình kiểm tra và phê bình để đưa ra một kết luận, nhận định về một vấn đề nào đó. Ở cấp độ này SV phải sử dụng những gì đã học để tạo ra hoặc sáng tạo một cái gì đó hoàn toàn mới. Các động từ dùng cho câu hỏi kiểm tra là: thảo luận, lập kế hoạch, so sánh, tạo mới, xây dựng, sắp đặt, sáng tác, tổ chức, thiết kế, giả thiết, hỗ trợ, viết ra, báo cáo, hợp nhất, tuân thủ, phát triển...
Sáng tạo (Create)	(6)	Sáng tạo là khả năng phán xét giá trị hoặc sử dụng thông tin theo các tiêu chí thích hợp (Hỗ trợ đánh giá bằng lý do/ lập luận). Để sử dụng đúng mức độ này sinh viên phải có khả năng giải thích tại sao sử dụng những lập luận giá trị để bảo vệ quan điểm. Những động từ thường sử dụng trong câu hỏi kiểm tra là: phê bình, bào chữa, thanh minh, tranh luận, lập luận, kết luận, định lượng, xếp loại, đánh giá, lựa chọn, ước tính, phán xét, định giá, bảo vệ

THANG ĐO KỸ NĂNG CỦA DAVE TRONG ĐÁNH GIÁ DẠY HỌC

Nhóm	Thang đo	Mô tả chi tiết
Bắt chước (Imitation)	(1)	- Làm theo một hành động đã được quan sát nhưng thiếu sự phối hợp giữa cơ bắp và hệ thần kinh. - Các động từ khởi đầu thường dùng như: bắt chước, bắt đầu, sao chép, tái tạo, lập lại, thực hành, di chuyển, làm theo, thực hiện....
Vận dụng (Manipulation)	(2)	- Làm theo một hành động đã được quan sát thường theo sự chỉ dẫn, làm lại những gì giáo viên dạy, làm lại những gì ghi nhớ. - Các động từ khởi đầu thường dùng như: Hành động, thực hiện, xây dựng, tạo ra, sử dụng, tác động, duy trì, cải thiện, hoàn tất, thực hiện...
Chuẩn hóa (Precision)	(3)	- Hình thành các khả năng, năng lực liên kết, phối hợp kỹ năng trong quy trình thực hiện một công việc hoặc một sản phẩm nhất định. Thực hiện chính xác như đã hướng dẫn. - Các động từ khởi đầu thường dùng như: thể hiện, đạt tới, nắm vững, tự động hóa, vượt trội....
Liên kết kiến thức (Articulation)	(4)	- Các hoạt động được phối hợp nhuần nhuyễn với nhau, hình thành kỹ xảo. - Các động từ khởi đầu thường dùng như: Thích ứng, thay đổi, kết hợp, tạo nên, phát triển, sắp xếp lại, chỉnh lại, giải quyết....
Biểu hiện (Naturalization)	(5)	- Hình thành các kỹ xảo một cách tự nhiên mà không phải suy nghĩ nhiều. - Các động từ khởi đầu thường dùng như: Chỉ ra, thiết kế, quản lý, phát minh, kết hợp, sắp xếp....

THANG ĐO THÁI ĐỘ CỦA KRATHWOHL TRONG ĐÁNH GIÁ DẠY HỌC

Nhóm	Thang đo thái độ	Mô tả chi tiết
Tiếp nhận (Receiving)	(1)	- Là sự sẵn sàng tiếp nhận thông tin bao gồm nhận biết sự hiện hữu của thông tin, sẵn lòng nghe, tiếp nhận và có sự chú ý cần thiết. - Các động từ khởi đầu thường dùng như: yêu cầu, lựa chọn, nhận biết, quan điểm, hướng đến....
Phản ứng/hồi đáp (Responding)	(2)	- Là sự tham gia tích cực vào các hoạt động ở mức độ hồi đáp bao gồm: chấp nhận, sẵn lòng hồi đáp, sự hài lòng, thể hiện sự chú ý...Lôi cuốn vào một chủ đề hoặc hoạt động hoặc sự kiện để mở rộng việc tìm tòi nó, làm việc với nó và tham gia vào đó. - Các động từ khởi đầu thường dùng như: đáp lại, giúp đỡ, tuân theo, thảo luận, thi hành, rèn luyện...
Đưa ra thái độ (Valuing)	(3)	- Thể hiện giá trị của mình vào vấn đề, thể hiện sự cam kết hướng tới một sự vững tin vào các mục tiêu, tư tưởng và niềm tin nào đó. - Các động từ khởi đầu thường dùng như: phân biệt, giải thích, đề xướng, chứng minh, chia sẻ....
Hình thành quan điểm (Organisation)	(4)	- Tổ chức các giá trị thành một hệ thống, có sự nhận thức hoặc sự xác đáng và các mối quan hệ của các giá trị phù hợp, xây dựng lên các giá trị cá nhân nổi bật. - Các động từ khởi đầu thường dùng như: dàn xếp, so sánh, phối hợp, khái quát hóa, lồng ghép, thay đổi, tổ chức, tổng hợp...
Tiếp thu chủ động (Characterization, Characterization by a value complex)	(5)	- Nội tâm hóa, tính cách hóa bản thân thể hiện qua giá trị bản thân, hành vi tích cực trong mọi hoạt động như một phần của cuộc sống. Tích hợp các niềm tin, tư tưởng và thái độ thành một triết lý tổng thể hoặc tầm nhìn rộng như thế giới quan. - Các động từ khởi đầu thường dùng như: Chia sẻ, hợp tác, tôn trọng, thể hiện, sẵn sàng, hỗ trợ....

CÓ THỂ ĐÁNH GIÁ BẰNG:

THANG TRÌNH ĐỘ NĂNG LỰC MIT (Năng lực tổng hợp)

Mức 1: Có trải nghiệm qua/ gặp qua

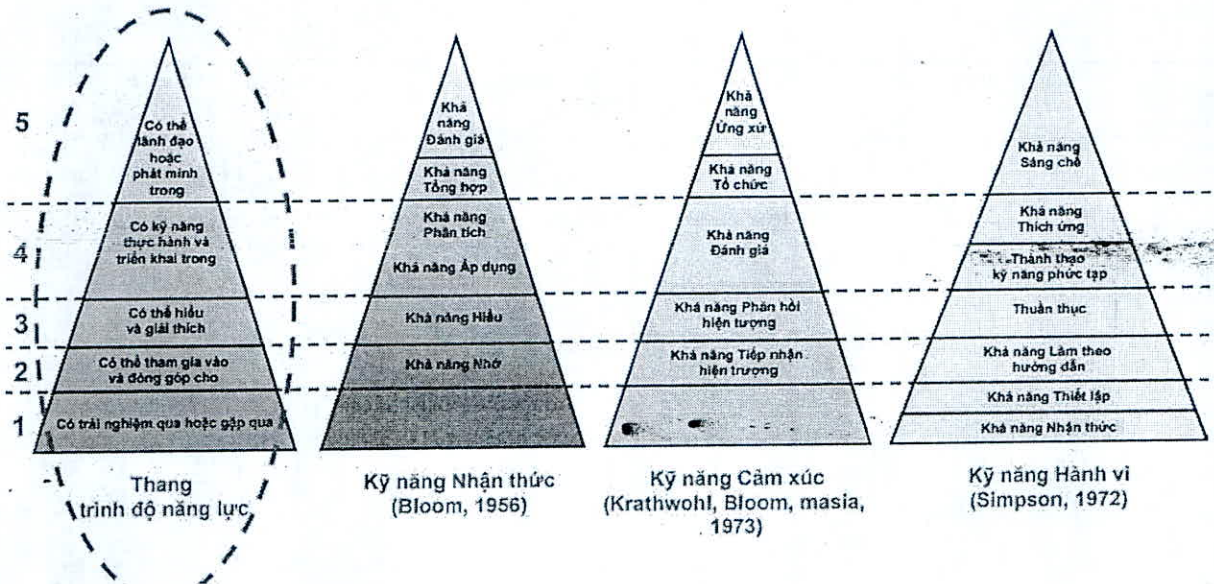
Mức 2: Có thể tham gia vào và đóng góp cho...

Mức 3: Có thể hiểu và giải thích...

Mức 4: Có kỹ năng thực hành và triển khai trong...

Mức 5: Có thể lãnh đạo và phát minh trong...

Phân loại học tập



ĐỐI CHIẾU, ĐỐI SÁNH CDR VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**1. Đối sánh chuẩn đầu ra****1.1. Chuẩn đầu ra theo khung trình độ quốc gia Việt Nam (QĐ số 1982/QĐ-TTg, 18/10/2016)**

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
KT1: Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.	KN1: Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.	TCTN1: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
KT2: Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.	KN2: Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.	TCTN2: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.
KT3: Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.	KN3: Kỹ năng phân biệt, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.	TCTN 3: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.
KT4: Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.	KN4: Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.	TCTN 4: Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.
KT5: Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.	KN5: Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.	
	KN6: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng	

	lực ngoại ngữ của Việt Nam.	
--	-----------------------------	--

1.2. Đối sánh giữa Chuẩn đầu ra của CTĐT với khung trình độ quốc gia Việt Nam

Chuẩn đầu ra của CTĐT:

Khung TĐQG	Chuẩn đầu ra của CTĐT																
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15	PLO16	PLO17
KT1																	
KT2																	
KT3																	
KT4																	
KT5																	
KN1																	
KN2																	
KN3																	
KN4																	
KN5																	
KN6																	
TCTN1																	
TCTN2																	
TCTN3																	
TCTN4																	

(Ghi chú: Đánh dấu x vào các ô tương ứng của CĐR đạt được theo trung TĐQG)

1.3. Đối sánh giữa Chuẩn đầu ra của CTĐT với CĐR của CTĐT tương ứng của Trường.....

TT	CĐR ngành..... Trường ĐH Công nghiệp Quảng Ninh	CĐR ngành..... Trường ĐH.....
PLO1		
PLO2		
PLO3		
.....		

1.4. Đối sánh giữa Chuẩn đầu ra của CTĐT với CĐR của CTĐT tương ứng của Trường..... (lập bảng tương tự mục 1.3)

2. Đối sánh khung chương trình đào tạo

2.1. So sánh CTĐT với CTĐT tương ứng của Trường

TT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC			Trường Đại học		
	(Ngành:) .			(Ngành:.....)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
	1. Khối kiến thức giáo dục đại cương			1. Khối kiến thức giáo dục đại cương		
I.	1. Kiến thức giáo dục đại cương			1. Kiến thức giáo dục đại cương		
	1.1 Lý luận chính trị, xã hội, nhân văn.			1.1 Lý luận chính trị, xã hội, nhân văn.		
1	Triết học Mac-Lênin					
2						
	1.2. Kiến thức toán và khoa học cơ bản			1.2 Kiến thức toán và khoa học cơ bản		
...	...					
	1.3 Kiến thức Ngoại Ngữ			1.3 Kiến thức Ngoại Ngữ		
...	...					
II.	2. Kỹ năng mềm và kỹ năng bổ trợ			2. Kỹ năng mềm và kỹ năng bổ trợ		
...					
III.	3. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			3. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		
	3.1 Kiến thức cơ sở ngành			3.1 Kiến thức cơ sở ngành		
	3.2 Kiến thức ngành			3.2. Kiến thức ngành		
	3.3. Kiến thức tự chọn			3.3. Kiến thức tự chọn		
IV.	Khóa luận tốt nghiệp					

TT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC			Trường Đại học		
	(Ngành:)			(Ngành:.....)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
	Tổng tín chỉ CTĐT			Tổng tín chỉ CTĐT		

2. 2. So sánh CTĐT với CTĐT tương ứng của Trường ... (Lập bảng tương tự mục

2.1)

2.3. So sánh CTĐT với CTĐT tương ứng của Trường... (Lập bảng tương tự mục 2.1)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH
HỘI ĐỒNG XÂY DỰNG/RÀ SOÁT... CTĐT
NGÀNH.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày ... tháng ... năm 20...

BIÊN BẢN HỌP

V/v hoàn thiện dự thảo CDR, Khung CTĐT, xây dựng/sửa đổi, bổ sung nội dung
ĐCCTHP, dự thảo bản mô tả CTĐT

Thực hiện kế hoạch/thông báo ngày ... tháng ... năm 20... của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh về việc xây dựng/rà soát, đánh giá và cập nhật các chương trình đào tạo, Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo ngành..... thực hiện họp hoàn thiện dự thảo CDR, Khung CTĐT, xây dựng/sửa đổi, bổ sung nội dung ĐCCTHP, dự thảo bản mô tả CTĐT ngành.....trình độ.....hình thức.....:

I. Thời gian, địa điểm, thành phần

Thời gian: ...h ...ngày ... tháng ... năm....

Địa điểm:.....

Thành phần: Hội đồng xây dựng/ rà soát, đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo ngành.....

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1			Chủ tịch HĐ
2			
....			
.....			Thư ký HĐ

Tham dự:...../..... (Vắng:..... Lí do:.....)

II. Nội dung:

1. Chủ tịch HĐ thông báo lí do cuộc họp

2. Thư ký Hội đồng thông qua về việc đối chiếu, đối sánh CDR và CTĐT

.....

.....

3. Các ý kiến thảo luận, góp ý của các thành viên hoàn thiện dự thảo CDR, CTĐT

.....

.....

4. Thảo luận về việc phân nhiệm mức độ đáp ứng CDR cho từng học phần trong CTĐT, phân công GV xây dựng ĐCCTHP, đội ngũ GV và nhân lực hỗ trợ, cơ sở vật chất, công nghệ, học liệu...

.....

.....

5. Kết luận của chủ tịch Hội đồng

Đưa ra dự thảo bản mô tả CTĐT, hoặc những nội dung sửa đổi, cập nhật đối với CTĐT
rà soát, cải tiến.

.....
.....

Cuộc họp kết thúc vào hồi...h.... cùng ngày, tất cả các thành viên nhất trí thông qua.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành:

Trình độ:

(Áp dụng từ khóa Tuyển sinh năm ...)

PHẦN 1. GIỚI THIỆU

1.1. Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

1.1.1. Tóm tắt quá trình phát triển

1.1.2. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục

1.1.3. Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ

1.2. Giới thiệu khoa (Khoa xây dựng, quản lý CTĐT)

1.2.1. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát

1.2.2. Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ

PHẦN 2. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Thông tin chung

Chương trình đào tạo: Tên chương trình tiếng Việt

Tên chương trình tiếng Anh

Trình độ:

Ngành đào tạo:

Mã ngành:

Bằng tốt nghiệp Cử nhân/Kỹ sư/.....

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

Khối lượng kiến thức toàn khóa:

Thời gian đào tạo ... năm (tích lũy đủ số tín chỉ)

Chương trình đào tạo đã được rà soát gần đây nhất theo quyết định nào?

Lần sửa đổi, bổ sung này, chương trình đã có những cập nhật, cải tiến gì so với chương trình đào tạo trước (chương trình liền kề trước chương trình này)?

2.2. Mục tiêu chương trình đào tạo

2.2.1. Mục tiêu chung:

2.2.2. Mục tiêu cụ thể: (Trong đó có mục tiêu kiến thức về công nghệ thông tin, mục tiêu về năng lực ngoại ngữ)

PO1:.....

CDR-CTĐT																		
PLO1																		
PLO2																		
...																		
PLOn																		

2.4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

2.5. Tuyển sinh, chuẩn đầu vào, Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

- Chuẩn đầu vào: Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo ngành là người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

- Đối tượng tuyển sinh:

+ Người học phải tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo.

+ Người tốt nghiệp đại học các ngành khác của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh hoặc của các trường đại học khác có thể học chương trình thứ hai theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo quy định của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

- Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ đại học (phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ, hình thức đào tạo chính quy) và các văn bản hiện hành, được cụ thể hóa theo quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

2.6. Phương pháp giảng dạy và học tập

Nhằm giúp sinh viên đạt được các mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ngành....., Trường đã thiết kế các chiến lược, phương pháp dạy học cụ thể như sau:.....

Các phương pháp giảng dạy và học tập nói trên giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra CTĐT, thể hiện trong bảng dưới đây:

Bảng 3. Mối liên hệ giữa phương pháp dạy học và chuẩn đầu ra CTĐT

(Đánh dấu X vào ô liên quan)

Chiến lược và phương pháp dạy học	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)					
	PLO1	PLO2	PLO3	PLOn

2.7. Phương pháp đánh giá và công cụ, tiêu chí đánh giá kết quả học tập

2.7.1. Đánh giá kết quả học tập

2.7.2. Đánh giá học phần

Bảng 4. Mối liên hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra CTĐT

(Đánh dấu X vào ô liên quan)

Phương pháp kiểm tra đánh giá		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)					
		PLO1	PLO2	PLO3	PLOn
I	Đánh giá tiến trình						
1							
2							
3							
II	Đánh giá tổng kết						
4							
5							
...							

2.8. Hệ thống tính điểm

Bảng 5. Hệ thống thang điểm (đối với CTĐT trình độ đại học)

Phân loại	Thang điểm 10	Thang điểm 4	Thang điểm chữ
Đạt	Từ 8.5 đến 10	4	A
	Từ 7 đến 8.4	3	B
	Từ 5.5 đến 6.9	2	C
	Từ 4 đến 5.4	1	D
Không đạt	< 4	0	F

2.9. Cấu trúc Chương trình đào tạo

Khối lượng kiến thức toàn khóa (tính bằng tín chỉ) được phân bổ như sau:

Bảng 6. Khối lượng kiến thức toàn khóa

	Khối kiến thức, học phần	Số TC	Tỷ lệ %
1.	Khối kiến thức giáo dục đại cương		
1.1.	Các học phần bắt buộc		
1.2.	Các học phần tự chọn		
1.3.	Các học phần điều kiện (không tính trong tổng KL)		
	Giáo dục thể chất		
	Giáo dục quốc phòng – an ninh		

STT	Mã HP	Tên Học phần	Số TC	Số tiết			Học kỳ	Mã HP tiên quyết	Mã HP kế tiếp
				LT	TH/ BT/ TL	Tự học			
Cộng nhóm:									
2.4. Nhóm học phần tốt nghiệp - phải đạt ... TC									
		Thực tập tốt nghiệp							
		Khóa luận tốt nghiệp							
		Hoặc các môn thi thay thế Khóa luận tốt nghiệp							
Cộng nhóm:									
Tổng số tín chỉ bắt buộc:; Tổng số tín chỉ các nhóm tự chọn:									

2.11. Ma trận tích hợp sự đóng góp của các học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Bảng 8. Bảng ma trận kỹ năng

S T T	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (CĐR)															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ, trách nhiệm			
			PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO ...	PLO ...	PLO ...	PLO ...	PLO ...	PLO ...	PLO ...	PLO ...		
			2						2					3	3			
				3		4					3		3	2	4			
					3			3		3						3		

Lưu ý: - Đối với CĐR Kiến thức; Kỹ năng; Mức tự chủ, trách nhiệm: Ghi các mức độ đạt được của từng chuẩn theo thang đo (bằng số) tương ứng với từng học phần

- CĐR về kiến thức (Theo thang đo Bloom), về kỹ năng (Theo thang đo Dave), mức tự chủ, trách nhiệm (Theo thang đo Krathwohl) hoặc CĐR Kiến thức; Kỹ năng; Mức tự chủ, trách nhiệm (Theo thang đo năng lực tổng hợp Mit)

2.12. Kế hoạch giảng dạy

Dự kiến kế hoạch giảng dạy (phân bổ các học phần theo từng học kỳ)

Học kỳ 1						
STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		
				Lý thuyết	TH/BT/TL/ĐA	Tự học

Cộng						
Học kỳ						
Cộng						
Học kỳ 8						
		Khoá luận TN				
Tổng cộng						

2.13. Sơ đồ chương trình đào tạo

2.14. Mô tả vắn tắt các học phần

STT	Mã HP	Tên học phần	TC	Mô tả tóm tắt nội dung môn học/học phần
1. Khối kiến thức giáo dục đại cương				
1.1 Nhóm học phần bắt buộc				
1.2 Nhóm học phần tự chọn				
1.3. Nhóm học phần điều kiện				
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				
2.1. Khối kiến thức cơ sở ngành				
Nhóm học phần bắt buộc				
Nhóm học phần tự chọn				
2.2. Khối kiến thức ngành				
Nhóm học phần bắt buộc				

Nhóm học phần tự chọn				
2.3. Khối kiến thức chuyên ngành				
2.4. Nhóm học phần tốt nghiệp				
1				
2				

2.15. Danh sách đội ngũ giảng viên, cố vấn thực hiện chương trình đào tạo

Danh sách các giảng viên:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng, ngành đào tạo	Kinh nghiệm giảng dạy *	Học phần sẽ giảng dạy

*Ghi chú: * Nơi giảng dạy, thời gian, loại ngôn ngữ*

Cố vấn học tập

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng, ngành đào tạo	Kinh nghiệm giảng dạy	Thông tin liên lạc (email, sđt, ...)

2.16. Cơ sở vật chất phục vụ thực hiện chương trình đào tạo

- Phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm chính:.....
- Thư viện:
- Học liệu: Giáo trình, tài liệu bài giảng, sách tham khảo....

TT	Tên môn học	Tên giáo trình, tài liệu bài giảng	Tên tác giả	Nhà XB, năm XB/ Website

PHẦN 3. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo này được áp dụng từ kỳ tuyển sinh cho sinh viên ngành

Quá trình đào tạo dựa trên chương trình giảng dạy được thiết kế, mục tiêu đào tạo và đối tượng hướng đến, yêu cầu nguồn nhân lực và những yêu cầu riêng cho đào tạo. Với những học phần tự chọn, tùy thuộc vào tình hình thực tế của xu thế phát triển, nhu cầu xã hội, khoa sẽ tư vấn cho người học lựa chọn những môn học thích hợp.

Trưởng khoa chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời, thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội. Dựa trên đề cương chi tiết các học phần, kinh phí cho thực hành, thực tập và tăng cường trang thiết bị, máy móc, thiết bị thí nghiệm cho mỗi học phần và toàn bộ khóa học, trưởng các bộ phận liên quan sẽ phải kiểm tra, đánh giá và trình Hiệu trưởng phê duyệt.

Chương trình đào tạo được rà soát và cập nhật định kỳ 5 năm/lần, hoặc khi có bất kỳ sự cần thiết phải cập nhật để đáp ứng các mục tiêu và tiêu chuẩn mới. Khoa sẽ nộp bản đề xuất, báo cáo cho trường để xem xét và giải quyết theo quy định hiện hành.

Chương trình thực hiện theo kế hoạch giảng dạy, theo các quy định và quy chế đào tạo các trình độ giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Chương trình đào tạo:.....

Trình độ đào tạo:

1. Tên học phần:

Tiếng Việt:

Tiếng Anh:

Mã học phần:**Số tín chỉ học phần:** (lý thuyết, thực hành) (VD: 02 (2,0))**Số tiết học phần:**

- Số tiết lên lớp: 30
- + Số tiết lý thuyết: 20
- + Số tiết thảo luận/bài tập: 9
- + Số tiết thực hành:
- + Số tiết hoạt động nhóm:
- + Số tiết kiểm tra: 1
- Số tiết tự học: 70

*(Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ (tiết); 1 giờ tính bằng 50 phút.**Ví dụ học phần 2 TC tổng số tiết là $2 \times 50 = 100$ tiết)***2. Đơn vị quản lý, giảng viên giảng dạy học phần:**

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Bộ môn, khoa	Số điện thoại	Email
1	GS.TS.Nguyễn Văn A	BM KTKTKS, Khoa Mỏ &CT	0904005128	nguyenvana@qui.edu.vn
2	PGS.TS. Phạm Văn B			
			

3. Điều kiện tham gia học phần:

3.1. Học phần tiên quyết:

3.2. Học phần học trước:

4. Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về

4.1.

4.2.

4.3.

.....

(Chú ý: Mô tả mục tiêu học phần bao gồm các động từ Bloom, các chủ đề CDR của CTĐT và bối cảnh áp dụng tổng quát;)

5. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi hoàn thành việc học học phần này, sinh viên có khả năng:

CLO1. Hiểu biết tổng quan về

CLO2. Phân biệt được những khái niệm cơ bản về

CLO3. Hình thành định hướng phát triển của cá nhân trong học tập, nghiên cứu và công tác trong lĩnh vực

CLO4. Khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong

CLOn

(- Mỗi HP có từ 3-7 CLO, viết ngắn gọn và không tách các nhóm CDR kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ trách nhiệm.

- Đảm bảo tương thích với CDR và khớp với ma trận tích hợp CDR của CTĐT)

Các chuẩn đầu ra học phần trên phù hợp với các chuẩn đầu ra chương trình như sau:

Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra CTĐT

CDR học phần	CDR CTĐT				Mức độ giảng dạy (I, T, U)
	PLO1	PLO2	PLO...	...	
CLO1	✓				I, T
CLO2		✓	✓		T
CLO3	✓		✓		U
...				
Mức đạt CDR CTĐT					

Lưu ý: - Mức độ giảng dạy: Mức độ I (Introduce): Giới thiệu, T (Teach): dạy, U (Utilize): Sử dụng.

- Mức đạt chuẩn đầu ra ghi theo ma trận kỹ năng trong CTĐT

Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần với mục tiêu học phần

CDR học phần	Mục tiêu học phần			
	4.1	4.2	...	
CLO1				
CLO2				
....				

6. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần... cung cấp/trang bị cho sinh viên kiến thức về... (nêu tóm tắt về nội dung kiến thức của HP)

7. Cấu trúc nội dung học phần

TT	Các nội dung cơ bản theo Chương/Bài/Mục (đến 03 chữ số)	Phân bổ thời gian (giờ/tiết)				CĐR chi tiết (của chương/bài/mục)	Đáp ứng CĐR của học phần	Hình thức/ phương pháp dạy học	Chuẩn bị của người học	PP đánh giá/Bài đánh giá	Tài liệu học tập
		LT, BT	TH	Kiểm tra	Tự học						
1	Chương 1: Tổng quan về... 1.1. 1.1.1. ... 1.2.					- LLO1: - LLO2:	CLO...	Trình bày, phát vấn, hỏi-đáp....			
2	Chương 2:							Thảo luận và trình bày, giải đáp....			
3	Chương 3:										
	Tổng số tiết:.....									

8. Nội dung chi tiết bố trí theo tuần

Tuần	Nội dung chương trình	Tổng số	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Kiểm tra	Tự học
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
8						
9						
10						
11						
12						
13						
14						
15						
	Tổng					

9. Phương pháp giảng dạy

- Giảng dạy lý thuyết kết hợp thảo luận theo nhóm

.....
.....

(Ghi tổng hợp các phương pháp áp dụng cho học phần trên bảng tại mục 7)

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Có mặt tối thiểu 70% số tiết học lý thuyết.
- Tham gia và hoàn thành đầy đủ các buổi thảo luận, bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Chủ động chuẩn bị các nội dung và thực hiện giờ tự học theo mục 8

.....
.....

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá học phần bao gồm điểm chuyên cần, điểm quá trình, điểm thi cuối kỳ và điểm học phần theo quy định của quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Trường (Ban hành theo Quyết định số 300/QĐ-ĐHCNQN ngày 05/07/2021). Điểm học phần bằng tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng.

Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy chế đào tạo của Nhà trường.

Ví dụ cụ thể về đánh giá học phần lý thuyết (làm tương tự đối với học phần thực hành, thực tập đồ án, khóa luận tốt nghiệp... lưu ý tỉ lệ điểm theo đúng quy chế đào tạo hiện hành của Trường):

Thành phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Liên quan đến CDR của học phần	Hướng dẫn đánh giá
1. Điểm chuyên cần	10%	-A1.1. Sinh viên tham dự các giờ học lý thuyết, thảo luận trên lớp (Dự lớp học)	80%	R1	(Ví dụ: CLO5,...)	GV đánh giá mức độ đi học đầy đủ của SV (tối thiểu 70% giờ học). Sinh viên không tham dự đủ 70% số tiết học trên lớp thì không được dự thi kết thúc học phần
		-A1.2. Ý thức học tập và tham gia đóng góp vào giờ học trên lớp	20%		(Ví dụ: CLO1; CLO2; ...)	GV đánh giá mức độ phát biểu, trao đổi ý kiến của SV liên quan đến bài học và hiệu quả của các đóng góp, mức độ vi phạm kỷ luật của SV trên lớp (vào lớp muộn, mất trật tự, không chú ý nghe giảng, không tuân thủ, không hợp tác với GV
2. Điểm quá trình	30%	A2.1. Bài kiểm tra 1 tiết (Đánh giá mức độ nhớ, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá của SV)	25%	R2	(Ví dụ: CLO1; CLO2; ...)	- GV giao bài kiểm tra cá nhân trên lớp - GV chấm và xác nhận điểm
		A2.2. Sản phẩm tự học cá nhân: Bài tập tổng hợp/ Bài tập tình huống (Đánh giá các hoạt động tự học, tự nghiên cứu, mức độ vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá và khả năng làm việc độc lập của SV)	25%	R3	(Ví dụ: CLO1; CLO2; CLO3, CLO4 ...)	- GV giao bài thu hoạch ở nhà (sinh viên tự chọn một vấn đề thuộc nội dung do GV đưa ra để làm) - GV chấm và xác nhận điểm
		A2.3. Bài thảo luận nhóm (Đánh giá các hoạt động tự học, tự nghiên cứu, mức độ vận dụng, tổng hợp, phân tích, đánh giá, xử lý các tình huống trong thực tế và khả năng làm việc theo nhóm của SV)	50%	R4.1 R4.2	(Ví dụ: CLO2; CLO3, CLO4, CLO5...)	-GV giao chủ đề thảo luận cho từng nhóm SV - Nhóm SV làm báo cáo và chuẩn bị slides/câu hỏi phản biện theo hướng dẫn của GV. - GV hướng dẫn nhóm SV tự nhận xét, chấm điểm nội dung bài thảo luận; Đánh giá, chấm điểm khả năng thuyết trình/tự duy phản biện, khả năng ứng xử, giải quyết tình huống/trả lời câu hỏi nhóm
3. Điểm thi kết thúc học phần	60%	A3. Bài thi kết thúc học phần: Hình thức thi: Tự luận/Trắc nghiệm/Vấn đáp... (Chỉ lựa chọn 01 hình thức cho 1 học phần) theo bộ đề thi (hoặc ngân hàng câu hỏi thi).	100%	R5	CLO1, CLO2, ...CLOn	Bài thi được chấm độc lập bởi 02 giảng viên theo quy định khảo thí của Trường

(GV xây dựng các rubric đánh giá từ R1 đến R5 theo đặc điểm đánh giá của học phần)

Ví dụ về R1: Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ	Chuẩn đầu ra	Mức chất lượng/ Điểm			
			Không đạt	Đạt yêu cầu	Tốt	Rất tốt
			0,0 – 4,9	5,0-6,9	7,0-8.4	8,5-10
Mức độ tham dự theo TKB	80%	CLO... CLO... CLO...	Tham dự >70% buổi học	Tham dự 70%-80% buổi học	Tham dự 80%-90% buổi học	Tham dự >90% buổi học
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	20%	CLO... CLO... CLO...	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp ý kiến	Có đặt/trả lời ít nhất 1 câu hỏi	Có đặt/trả lời >2 câu hỏi	Nhiệt tình phát biểu, trao đổi, trả lời nhiều câu hỏi

Ví dụ về R4: Rubric đánh giá làm việc nhóm

Sau đây là một ví dụ về Rubric đánh giá làm việc nhóm được dựa trên 5 tiêu chí:

TT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Chuẩn đầu ra	Mức điểm				
				0,0-4,0	4,1-5,4	5,5-6,9	7,0-7,9	8,0-10,0
1	Hợp tác và giao tiếp	20%	CLO... CLO... CLO...	Hầu như thành viên không tham gia giao tiếp và chia sẻ	Thành viên có tham gia giao tiếp nhưng không chia sẻ và tương tác trong nhóm nhiều	Thành viên tham gia giao tiếp và chia sẻ nhưng ý chưa rõ ràng	Thành viên tham gia giao tiếp và chia sẻ thông tin nhưng tương tác chưa tích cực	Thành viên luôn lắng nghe, tương tác, chia sẻ ý kiến đúng và chất lượng
2	Phân công và đóng góp	25%	CLO... CLO... CLO...	Đóng góp hạn chế và không có khả năng thực hiện được nhiệm vụ được phân công.	Thành viên chỉ làm theo chỉ dẫn, hoàn thành công việc được giao nhưng không thể hiện đóng góp đáng kể.	Thành viên đóng góp vào nhiệm vụ nhưng vẫn cần hỗ trợ mới hoàn thành được nhiệm vụ	Thành viên thực hiện nhiệm vụ được giao tốt, nhưng ý tưởng chưa sáng tạo	Thành viên nhận nhiệm vụ, đóng góp ý tưởng sáng tạo và thực hiện hiệu quả
3	Tự quản lý thời gian	15%	CLO... CLO... CLO...	Thành viên bị khó khăn trong việc tự quản lý thời gian	Thành viên yếu trong việc quản lý thời gian	Thành viên cần phải có sự hỗ trợ để quản lý thời gian và tuân thủ thời hạn.	Thành viên quản lý thời gian tạm ổn, vẫn cần kiểm soát để tuân thủ thời gian đúng hơn	Thành viên luôn tuân thủ đúng thời gian, phân bổ thời gian hoàn thành nhiệm vụ

								hợp lý.
4	Kết quả đạt được	25%	CLO... CLO... CLO...	Kết quả không đạt yêu cầu theo như yêu cầu ban đầu.	Kết quả chưa đạt yêu cầu, cần phải sửa đổi và cải thiện đáng kể	Kết quả đạt được chất lượng bình thường, vẫn cần cải thiện mới có thể đáp ứng đúng yêu cầu đề ra	Kết quả đạt được tốt nhưng vẫn cần điều chỉnh một số lỗi nhỏ	Kết quả đạt được đáp ứng đầy đủ yêu cầu đề ra ban đầu
5	Sự kết nối giữa các thành viên	15%	CLO... CLO... CLO...	Thành viên không kết nối với mọi người	Thành viên có kết nối nhưng còn hạn chế rất nhiều	Thành viên chỉ kết nối với một nửa thành viên trong nhóm	Thành viên kết nối chủ động với một số thành viên nhưng vẫn còn một số thành viên chưa kết nối	Thành viên kết nối tích cực chủ động và hiệu quả với các thành viên còn lại

Từ các tiêu chí kể trên, chấm điểm và đánh giá điểm số của thành viên nhóm trong quá trình làm việc. Từ đó đánh giá được hiệu quả làm việc của từng thành viên cụ thể.

.....
(Tùy theo học phần, GV xây dựng các tiêu chí và mức điểm đánh giá cho phù hợp)

12. Tài liệu học tập, tham khảo:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, văn bản, tài liệu	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1.				
...				
Sách, giáo trình tham khảo				
1.				
2.				
...				
Các website, phần mềm, ...				
1.				
...				

13. Các yêu cầu/quy định của học phần:

- Yêu cầu về ý thức, thái độ học tập:
- Yêu cầu về chuyên cần: Sinh viên dự học tối thiểu 70% số tiết học của chương trình.
- Yêu cầu về nghiên cứu tài liệu: Đọc thêm các tài liệu có liên quan đến dưới sự hướng dẫn của giảng viên
- Yêu cầu về điểm quá trình: *Thực hiện theo quy chế đào tạo đại học/thạc sĩ theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Trường.*

Quảng Ninh, ngày tháng năm 20....

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

TS. Hoàng Hùng Thắng

BIÊN BẢN THẢO LUẬN ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

Hôm nay, vào hồi ... giờ....., ngày....tháng.....năm 20...., tại Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh, Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo đã họp để thảo luận về việc chỉnh sửa/bổ sung đề cương chi tiết học phầnvào chương trình đào tạo ngành.....

I. Thành phần tham dự

TT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1			Chủ tịch HĐ
2			
...			Thư ký HĐ

..... (ghi thêm các thành viên tham gia là giảng viên tham gia không thuộc thành phần hội đồng)

II. Nội dung

1. Chủ tịch hội đồng báo cáo tóm tắt nội dung quá trình xây dựng, chỉnh sửa và nội dung học phần.....

2. Ý kiến của các thành viên Hội đồng

.....

3. Trả lời các câu hỏi đã được nêu

.....

4. Kết luận của Hội đồng

.....

Phiên họp kết thúc vào hồi, ngày..... tháng năm 20.....

Biên bản này được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, Khoa..... lưu giữ 01 bản và nộp cho Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh (Phòng Đào tạo) 01 bản kèm theo đề cương chi tiết.

Thư ký Hội đồng

Chủ tịch Hội đồng

**BIÊN BẢN THẢO LUẬN ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
(Cấp Bộ môn và HĐ KHĐT Khoa)**

Hôm nay, vào hồi ... giờ....., ngày....tháng.....năm 20...., tại Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh, Bộ môn/ Hội đồng KHĐT Khoa đã họp để thảo luận về việc xây dựng/chỉnh sửa/bổ sung đề cương chi tiết học phầnvào chương trình đào tạo ngành.....

I. Thành phần tham dự

TT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1			Chủ tọa
2			
...			Thư ký

II. Nội dung

1. Người biên soạn ĐCTCHP báo cáo tóm tắt nội dung quá trình xây dựng, chỉnh sửa và nội dung học phần.....

2. Ý kiến của các thành viên tham dự

.....

3. Trả lời các câu hỏi đã được nêu

.....

4. Kết luận của Bộ môn/ Hội đồng KHĐT Khoa

.....

Phiên họp kết thúc vào hồi, ngày..... tháng năm 20....

Biên bản này được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, Khoa..... lưu giữ 01 bản và nộp cho Hội đồng xây dựng CTĐT 01 bản kèm theo đề cương chi tiết.

Thư ký

Chủ tọa

BIÊN BẢN HỘI THẢO LẤY Ý KIẾN ĐÓNG GÓP CHO CTĐT

Hôm nay, vào hồi ... giờ....., ngày....tháng.....năm 20...., tạiTrường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh, Hội đồng xây dựng/ rà soát, cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo đã tổ chức hội thảo về chương trình đào tạo ngành.....trình độ.....

I. Thành phần tham dự

1. Chủ trì:

Hội đồng xây dựng/rà soát, đánh giá cập nhật CTĐT ngành.....

TT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1			Chủ tịch HĐ
2			
...			Thư ký HĐ

2. Thành phần tham dự

2.1. Giảng viên trong trường liên quan đến ngành

2.2. Đại diện các doanh nghiệp

2.3. Chuyên gia, Giảng viên ngoài trường liên quan đến ngành.....

2.4. Cựu sinh viên tốt nghiệp ngành.....

II. Nội dung

1. Chủ tịch hội đồng báo cáo tóm tắt nội dung quá trình xây dựng/ rà soát, chỉnh sửa CTĐT ngành.....

2. Ý kiến của các thành viên tham dự hội thảo

.....

3. Tổng hợp ý kiến, trả lời các câu hỏi đã được nêu

Người góp ý	Tổng hợp ý kiến	Trả lời, thảo luận
GV trong trường		
Đại diện doanh nghiệp		
Chuyên gia, GV ngoài trường		
Cựu SV		
....		

4. Kết luận

.....

Hội thảo kết thúc vào hồi, ngày..... tháng năm 20.....

Biên bản này được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, Khoa..... lưu giữ 01 bản và nộp cho Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh (Phòng Đào tạo) 01 bản kèm theo bản mô tả CTĐT.

Thư ký Hội đồng

Chủ tịch Hội đồng

BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Hôm nay, vào hồi ... giờ....., ngày....tháng.....năm 20...., tạiTrường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh, Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ ngành..... của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh đã tổ chức phiên họp về chương trình đào tạo ngành.....trình độ....., cụ thể như sau:

I. Thành phần tham dự

1. Hội đồng thẩm định CTĐT ngành.....trình độ.....

Stt	Học hàm/học vị - Họ và tên	Ngành Đào tạo	Chức vụ; đơn vị công tác	Chức danh HĐ
1	PGS.TS Nguyễn Văn A			Chủ tịch HĐ
2
...				Thư ký hội đồng

2. Các thành viên nhóm xây dựng/rà soát, đánh giá cập nhật CTĐT ngành (thuộc Hội đồng xây dựng/rà soát, đánh giá cập nhật CTĐT)

.....

II. Nội dung

1. Trường/đại diện nhóm xây dựng/ rà soát, đánh giá, cập nhật báo cáo tóm tắt nội dung quá trình xây dựng, các căn cứ để xây dựng, rà soát chương trình đào tạo; mục tiêu của chương trình đào tạo; cấu trúc của chương trình đào tạo; thời lượng của chương trình đào tạo; nội dung của chương trình đào tạo, đề cương môn học/học phần và các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo.

2. Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo đã thẩm định theo các nội dung sau:

- Căn cứ để xây dựng/cải tiến chương trình đào tạo:

.....

- Mục tiêu của chương trình đào tạo:

.....

- Cấu trúc của chương trình đào tạo:

.....

- Thời lượng của chương trình đào tạo:

- Nội dung của chương trình đào tạo: đáp ứng mục tiêu, phù hợp trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đất nước:

- Đề cương chi tiết của học phần/môn học: mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo:

3. Ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định

- Các phản biện đọc nhận xét và đặt câu hỏi:

- Các thành viên Hội đồng thẩm định đặt câu hỏi:

- Đại diện Trường/ đại diện nhóm xây dựng/ rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT trả lời và giải trình:

4. Hội đồng thẩm định họp riêng thảo luận, bầu ban kiểm phiếu, bỏ phiếu kín.

5. Trưởng ban kiểm phiếu công bố kết quả

Kết quả: Số phiếu đạt:

Số phiếu không đạt:

6. Kết luận của Hội đồng thẩm định:

Phiên họp kết thúc vào hồi:..., ngày tháng năm 20...

Thư ký Hội đồng

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Chủ tịch Hội đồng

(Ký và ghi rõ họ, tên)

PHIẾU NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Họ và tên thành viên Hội đồng:
2. Chức danh:
3. Tên CTĐT:
4. Ngành đào tạo:Mã ngành:.....
5. Trình độ đào tạo:
6. Đơn vị chủ trì: Khoa
7. Ngày họp: Ngày... tháng ...năm 20....
8. Địa điểm:
9. Quyết định thành lập Hội đồng số:
10. Đánh giá của thành viên hội đồng:

TT	Nội dung đánh giá	Đã đáp ứng	Chưa đáp ứng
1	Đáp ứng các yêu cầu theo chuẩn chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học được Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc các Hội đồng tư vấn ngành ban hành và Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Đối với các các ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực chưa ban hành chuẩn chương trình đào tạo, đã tham khảo tiêu chuẩn nghề nghiệp trong nước và quốc tế cho ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực tương ứng.		
2	Thể hiện rõ khả năng góp phần đáp ứng nhu cầu nhân lực theo kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, quốc gia và nhu cầu của thị trường lao động.		
3	Phản ánh yêu cầu của các bên liên quan, trong đó có đại diện giảng viên tại các đơn vị chuyên môn, đại diện các đơn vị sử dụng lao động và hiệp hội nghề nghiệp, các chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn, người đã tốt nghiệp chương trình đào tạo đang làm việc đúng chuyên môn.		
4	Được tham khảo, đối sánh với chương trình đào tạo cùng trình độ, cùng ngành đã được kiểm định của các trường có uy tín ở trong nước và nước ngoài.		
5	Được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; phải tích hợp giảng dạy kỹ năng với kiến thức; phải có ma trận các học phần với chuẩn đầu ra, bảo đảm chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được phân bổ và truyền tải đầy đủ thành chuẩn đầu ra của các học phần.		
6	Các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá phải được lập kế hoạch và thiết kế dựa vào chuẩn đầu ra của học phần, bảo đảm cung cấp những hoạt động giảng dạy thúc đẩy việc học tập đáp ứng chuẩn đầu ra.		
7	Tất cả các học phần trong chương trình đào tạo phải có đầy đủ đề cương học phần. Đề cương học phần phải được xây dựng theo các quy định và biểu mẫu thống nhất của Trường.		

8	Có hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo, bảo đảm chất lượng đào tạo.		
---	--	--	--

11. Các ý kiến đóng góp:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

12. Kết luận: (Đạt/ không đạt).....

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ
(Ký và ghi rõ họ tên)

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐH CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN GIẢI TRÌNH CHỈNH SỬA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
THEO KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**

Theo biên bản họp của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ(đại học/Thạc sĩ...) hình thức đào tạo (chính quy/VLVH) ngành họp ngày ...tháng ... năm 20....., khoa – Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh đã tiếp thu nghiêm túc và chỉnh sửa các nội dung sau:

- 1.....
- 2.....
- 3.....

Trân trọng!

Ngày... tháng ... năm 20...

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

BIÊN BẢN THÔNG QUA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**Của Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp trường**

Hôm nay, vào hồi ... giờ....., ngày....tháng.....năm 20...., tạiTrường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh, Hội đồng khoa học và đào tạo Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh đã tổ chức phiên họp thông qua các chương trình đào tạo ngành.....trình độ....., cụ thể như sau:

I. Thành phần tham dự

Hội đồng Khoa học và đào tạo cấp trường

Stt	Học hàm/học vị - Họ và tên	Ngành Đào tạo	Chức vụ; đơn vị công tác	Chức danh HĐ
1	PGS.TS Nguyễn Văn A			Chủ tịch HĐ
2
...				Thư ký hội đồng

II. Nội dung

1. Chủ tịch Hội đồng KH&ĐT cấp trường tuyên bố lí do tổ chức phiên họp.
2. Trường/đại diện nhóm xây dựng/ rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT báo cáo tóm tắt nội dung quá trình xây dựng, các căn cứ để xây dựng, rà soát chương trình đào tạo; mục tiêu của chương trình đào tạo; cấu trúc của chương trình đào tạo; thời lượng của chương trình đào tạo; nội dung của chương trình đào tạo, đề cương môn học/học phần và các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo.
3. Thư ký Hội đồng thông qua biên bản họp thẩm định CTĐT, giải trình chỉnh sửa CTĐT.
4. Hội đồng KH&ĐT cho ý kiến, xem xét thông qua CTĐT
5. Ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định

.....

6. Kết luận của Hội đồng KH&ĐT cấp trường:

.....

Phiên họp kết thúc vào hồi:...., ngày tháng năm 20.... Tất cả thành viên nhất trí thông qua.

Thư ký Hội đồng

Chủ tịch Hội đồng

(Ký và ghi rõ họ, tên)

(Ký và ghi rõ họ, tên)

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ đại học
đào tạo theo tín chỉ của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

Căn cứ Luật số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 về Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐT ngày 6 tháng 11 năm 2023 của hội đồng trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 về Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 về việc ban hành Quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Công văn số 2196/BGDĐT-GDDH ngày 22/4/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-ĐHCNQN ngày ... tháng ... năm ... về việc ban hành kèm theo Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chuẩn đầu ra của ... chương trình đào tạo trình độ đại học đào tạo theo tín chỉ của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

(Có danh mục và chuẩn đầu ra của ... chương trình đào tạo kèm theo)

Điều 2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đại học được áp dụng chung đối với hình thức đào tạo đại học chính quy và hình thức đào tạo đại học vừa làm vừa học.

Điều 3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đại học theo hình thức chính quy và hình thức đào tạo vừa làm vừa học được áp dụng chung với các đối tượng người học khác nhau, bao gồm: Người học tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương; học liên thông đối với người học có văn bằng khác (người học đã tốt nghiệp các trình độ đào tạo của giáo dục nghề nghiệp; người đã tốt nghiệp đại học); người học tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng học liên thông lên trình độ đại học.

Điều 4. Chuẩn đầu ra ... chương trình trình đào tạo đại học tại Điều 1 được công bố công khai trên Website của trường tại địa chỉ: <http://qui.edu.vn>

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và triển khai áp dụng đối với các khoá tuyển sinh đại học sau ngày ... tháng ... năm

Điều 6. Các ông (bà) Trưởng, phụ trách các đơn vị trong toàn trường căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (02);
- Như điều 6;
- Website trường;
- Lưu VT, ĐT (05).

HIỆU TRƯỞNG

TS. Hoàng Hùng Thắng

DANH MỤC CHUẨN ĐẦU RA
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHCNQN ngày ... tháng ... năm 20....
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh)

TT	Tên các chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đại học
1	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đại học ngành
2	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đại học ngành
...	
	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đại học ngành

Số: /QĐ-ĐHCNQN

Quảng Ninh, ngày tháng năm 20

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ
đào tạo theo tín chỉ của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

Căn cứ Luật số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 về Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 221/QĐ-HĐT ngày 13 tháng 6 năm 2022 của hội đồng trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 về Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 về ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Công văn số 2196/BGDĐT-GDDH ngày 22/4/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-ĐHCNQN ngày ... tháng ... năm ... về việc ban hành kèm theo Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo tín chỉ của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh, gồm:

1. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Khai thác mỏ
2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kỹ thuật điện

Điều 2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo thạc sĩ được áp dụng chung đối với hình thức đào tạo chính quy và hình thức đào tạo vừa làm vừa học.

Điều 3. Chuẩn đầu ra của 02 chương trình đào tạo thạc sĩ tại Điều 1 được công bố công khai trên Website của trường tại địa chỉ: <http://qui.edu.vn>

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và triển khai áp dụng đối với các khoá tuyển sinh thạc sĩ sau ngày ... tháng ... năm

Điều 5. Các ông (bà) Trưởng, phụ trách các đơn vị trong toàn trường căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (02);
- Như điều 5;
- Website trường;
- Lưu VT, ĐT (05).

HIỆU TRƯỞNG

TS. Hoàng Hùng Thắng

Số: /QĐ-ĐHCNQN

Quảng Ninh, ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học theo hình thức chính quy/VLVH đào tạo theo tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

Căn cứ Luật số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 về Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 221/QĐ-HĐT ngày 13 tháng 6 năm 2022 của hội đồng trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 về Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 03 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-ĐHCNQN ngày... tháng ... năm ... ban hành kèm theo Quy chế đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-ĐHCNQN ngày ... tháng ... năm ... về việc ban hành kèm theo Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này các chương trình đào tạo (cải tiến) trình độ đại học chính quy theo tín chỉ của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

(Có danh mục và chương trình đào tạo kèm theo)

Điều 2. Các Khoa: Mỏ & Công trình, Điện, Kinh tế, Cơ khí - Động lực, Công nghệ thông tin, Khoa học cơ bản, Trung tâm đào tạo nghề, Bộ môn Lý luận chính trị có trách nhiệm phân công giảng viên biên soạn chương trình học phân chi tiết, chuẩn bị bài giảng để tổ chức đào tạo theo đúng quy định.

Điều 3. Chương trình đào tạo đại học theo hình thức chính quy được áp dụng chung với các đối tượng người học khác nhau khi đăng ký học và trúng tuyển học theo hình thức đào tạo đại học chính quy của trường, bao gồm: Người học tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương; học liên thông đối với người học có văn bằng khác (người học đã tốt nghiệp các trình độ đào tạo của giáo dục nghề nghiệp; người đã tốt nghiệp đại học); người học tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng học liên thông lên trình độ đại học.

Điều 4. Chương trình trình đào tạo đại học chính quy tại Điều 1 được công bố công khai trên Website của trường tại địa chỉ: <http://qui.edu.vn>

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và triển khai áp dụng đối với các khoá tuyển sinh, đào tạo đại học chính quy sau ngày ... tháng ... năm

Điều 6. Các ông (bà) Trưởng, phụ trách các đơn vị trong toàn trường căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (02);
- Như điều 6;
- Website trường;
- Lưu VT, ĐT (05).

HIỆU TRƯỞNG

TS. Hoàng Hùng Thắng

DANH MỤC 11 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY (CẢI TIẾN)
 (Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHCNQN ngày ... tháng ... năm ...
 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh)

TT	Tên chương trình đào tạo đại học	Chuyên ngành đào tạo
1	Chương trình đào tạo ngành Kế toán	Kế toán tổng hợp
2	Chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp
3	Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp Quản trị kinh doanh Du lịch-Khách sạn
4	Chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Công nghệ tự động hóa
5	Chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Công nghệ kỹ thuật điện tử
		Công nghệ kỹ thuật điện
		Công nghệ Cơ điện mỏ
		Công nghệ Điện lạnh
		Công nghệ Cơ điện
6	...	
...	...	

Số: /QĐ-ĐHCNQN

Quảng Ninh, ngày... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo (cải tiến) trình độ thạc sĩ
theo hình thức chính quy đào tạo theo tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

Căn cứ Luật số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 về Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 221/QĐ-HĐT ngày 13 tháng 6 năm 2022 của hội đồng trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 về Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 về ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-ĐHCNQN ngày ... tháng ... năm ... về việc ban hành kèm theo Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 02 chương trình đào tạo (cải tiến) trình độ thạc sĩ theo hình thức chính quy, đào tạo theo tín chỉ của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh, gồm:

1. Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Khai thác mỏ
2. ...

Điều 2. Các Khoa: Mỏ & Công trình, Điện, Khoa học cơ bản, Bộ môn Lý luận chính trị có trách nhiệm phân công giảng viên biên soạn chương trình học phần chi tiết, chuẩn bị bài giảng để tổ chức đào tạo theo đúng quy định.

Điều 3. Chương trình đào tạo thạc sĩ tại Điều 1 được áp dụng đối với các học viên đăng ký và trúng tuyển học thạc sĩ theo hình thức chính quy.

Điều 4. Chương trình đào tạo thạc sĩ chính quy tại Điều 1 được công bố công khai trên Website của trường tại địa chỉ: <http://qui.edu.vn>

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và triển khai áp dụng đối với các khoá tuyển sinh thạc sĩ chính quy sau ngày ... tháng ... năm ...

Điều 6. Các ông (bà) Trưởng, phụ trách các đơn vị trong toàn trường căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (02);
- Như điều 6;
- Website trường;
- Lưu VT, ĐT (05).

HIỆU TRƯỞNG

TS. Hoàng Hùng Thắng